



BỘ XÂY DỰNG

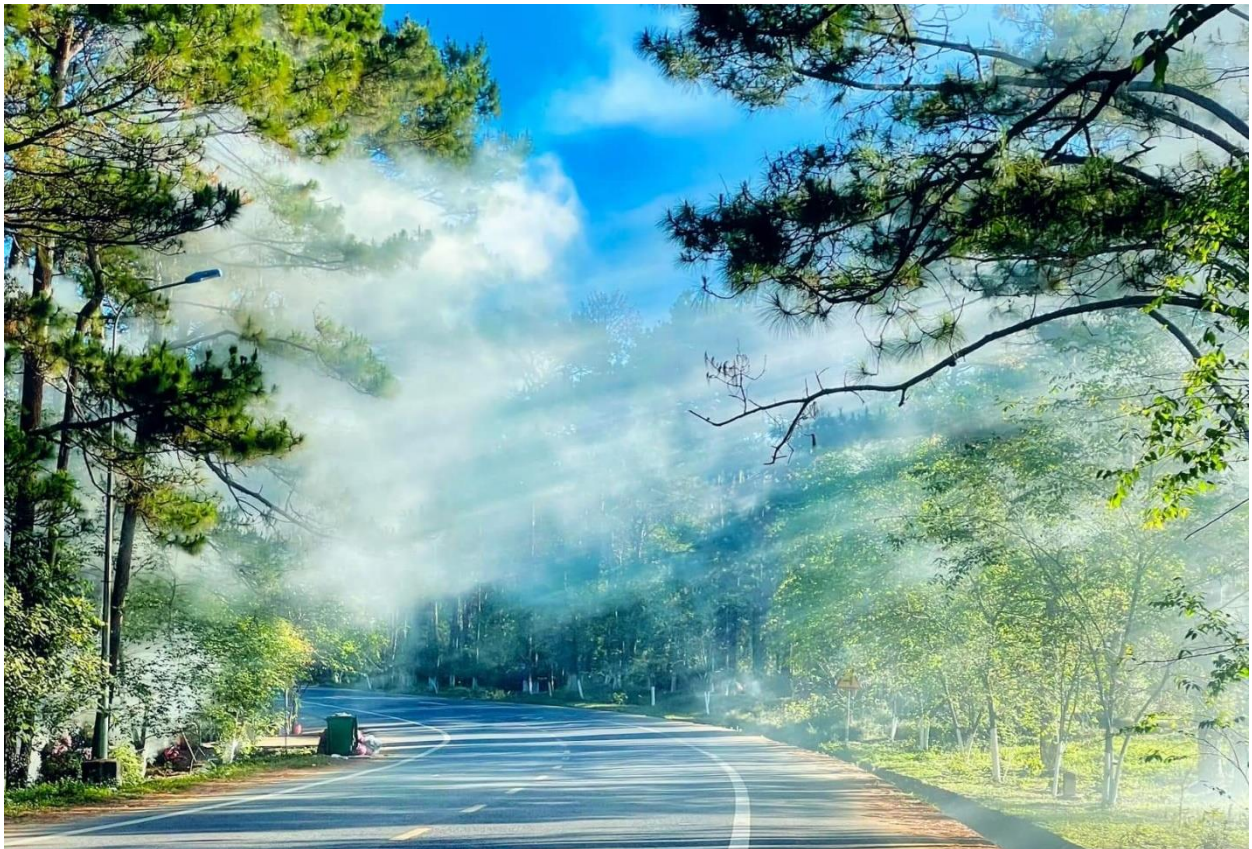
VIỆN QUY HOẠCH ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN QUỐC GIA

VIỆN NGHIÊN CỨU THIẾT KẾ ĐÔ THỊ - UDI ĐỊA CHỈ: TẦNG 7 SỐ 10 HOA LŨ - HAI BÀ TRƯNG - HÀ NỘI

TEL: 04.22210 888/ 709 FAX: 0439747990

THUYẾT MINH TÓM TẮT

QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG KHU DU LỊCH MẶNG ĐEN, HUYỆN KON PLÔNG, TỈNH KON TUM ĐẾN NĂM 2045



THUYẾT MINH TÓM TẮT QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG KHU DU LỊCH MĂNG ĐEN, HUYỆN KON PLÔNG, TỈNH KON TUM ĐẾN NĂM 2045

Cơ quan phê duyệt:
THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Cơ quan thẩm định
BỘ XÂY DỰNG

Cơ quan trình duyệt quy hoạch:
UBND TỈNH KON TUM

Cơ quan triển khai lập quy hoạch:
SỞ XÂY DỰNG TỈNH KON TUM

Đơn vị lập quy hoạch:
VIỆN NGHIÊN CỨU THIẾT KẾ ĐÔ THỊ



Đỗ Kim Dung

I. Phần mở đầu:

1.1. Lý do và sự cần thiết lập quy hoạch

Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng du lịch sinh thái Măng Đen và quy hoạch chung đô thị Kon Plông, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 298/QĐ-TTg ngày 05/02/2013, bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum với quy mô khoảng 138.116ha. Đây là cơ sở, tiền đề cho việc định hướng phát triển, huy động nguồn lực phát triển vùng du lịch sinh thái Măng Đen trong thời gian qua hướng đến trở thành trung tâm kinh tế phía Đông Bắc của Kon Tum, giữ vai trò nòng cốt, động lực, có đóng góp quan trọng vào sự phát triển của tỉnh.

Tuy nhiên, trong giai đoạn từ năm 2013 đến nay, nhiều chủ trương, chính sách, pháp luật có liên quan đến lĩnh vực quy hoạch, quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị được sửa đổi, bổ sung, ban hành mới và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội cấp quốc gia, cấp vùng có sự điều chỉnh ảnh hưởng đến tính chất, chức năng, định hướng phát triển của vùng sinh thái du lịch Măng Đen. Quá trình thực hiện theo QĐ 298 còn những khó khăn, vướng mắc, bất cập cụ thể như:

- Phần lớn hệ thống đô thị và trung tâm du lịch nằm trong phạm vi diện tích đất rừng hiện trạng gặp dẫn đến khó khăn hình thành các dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và du lịch.

- Trên cơ sở quy định pháp luật về quy hoạch xây dựng hiện hành (Luật số 35/2018/QH14) thì Quy hoạch xây dựng Vùng du lịch sinh thái Măng Đen không còn thuộc hệ thống quy hoạch xây dựng. Thủ tướng Chính phủ có văn bản số 628/TTg-CN ngày 21/7/2022, đồng ý chủ trương lập Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch Măng Đen thay cho điều chỉnh tổng thể Quy hoạch xây dựng vùng du lịch sinh thái Măng Đen. Quyết định số 1492/QĐ-TTg ngày 29/11/2023 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chung xây dựng khu du lịch Măng Đen, huyện Kon Plong, tỉnh Kon Tum đến năm 2045.

- Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt theo Quyết định số 1756/QĐ-TTg ngày 31/12/2023; có định hướng về liên kết giao thông, hệ thống tuyến điểm du lịch, phát triển đô thị - nông thôn tác động sự phát triển của khu du lịch Măng Đen hướng đến một khu du lịch mang tính quốc gia - Quốc tế

Vì vậy, việc lập Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch Măng Đen là hết sức cần thiết nhằm cụ thể hóa quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; bảo vệ và phát huy các giá trị cảnh quan thiên nhiên; thu hút các dự án đầu tư tại khu vực Măng Đen; làm cơ sở cho việc lập quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết; đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng đồng bộ gắn kết với định hướng phát triển của toàn tỉnh Kon Tum và vùng Bắc Tây Nguyên nhằm đáp ứng các yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội theo hướng bền vững.

1.2. Quan điểm lập quy hoạch

- Phù hợp Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn; Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06/10/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; các chủ trương chính sách của Đảng và nhà nước; thống nhất với các quy hoạch cấp quốc gia và cấp vùng tác động đến địa bàn tỉnh.

- Phát triển Khu du lịch Măng Đen đạt các tiêu chí của Khu du lịch sinh thái mang tầm cỡ quốc gia và là điểm đến hấp dẫn, có thương hiệu của khu vực Tây nguyên, trong nước và quốc tế. Phát triển ngành du lịch trở thành ngành kinh tế chuyên nghiệp, giàu bản sắc, có sức cạnh tranh cao, kết nối và thúc đẩy các ngành, lĩnh vực khác cùng phát triển, có đóng góp quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện Kon Plong nói riêng và của tỉnh Kon Tum nói chung.

- Phát triển Khu du lịch Măng Đen nhằm thúc đẩy khai thác các lợi thế độc đáo về điều kiện khí hậu, cảnh quan tự nhiên và nét văn hóa truyền thống mang đậm bản sắc của địa phương; đảm bảo phát triển bền vững, đồng bộ hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, bảo vệ môi trường sinh thái, cảnh quan, ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai.

- Phát triển Khu du lịch Măng Đen phải bảo đảm an ninh, quốc phòng; trong đó, cần đặt trọng tâm vào ổn định an ninh chính trị, an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, dân trí người dân, giữ gìn bản sắc văn hóa đặc trưng của các dân tộc; đảm bảo môi trường sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học.

- Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh, di sản văn hóa phi vật thể và không gian văn hóa liên quan.

1.3. Mục tiêu lập quy hoạch

- Cụ thể hóa Quy hoạch hệ thống du lịch Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quy hoạch xây dựng vùng du lịch sinh thái Măng Đen, huyện Kon Plong, tỉnh Kon Tum; Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy hoạch khác có liên quan nhằm mục tiêu phát triển Khu du lịch Măng Đen thành điểm đến hấp dẫn của vùng Tây Nguyên với các sản phẩm du lịch đặc trưng gắn với cảnh quan thiên nhiên, đa dạng sinh học và văn hóa truyền thống.

- Cụ thể hóa Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16 tháng 01 năm 2017 của Bộ Chính trị, tạo động lực thúc đẩy sự phát triển của các ngành, lĩnh vực khác; phát triển du lịch bền vững; bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa và các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc; bảo vệ môi trường và thiên nhiên; giải quyết tốt vấn đề lao động, việc làm và an sinh xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội.

- Xây dựng lộ trình thực hiện quy hoạch, quản lý đầu tư phát triển Khu du lịch Măng Đen đạt các tiêu chí Khu du lịch quốc gia theo tiêu chí tại Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch; đầu tư cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật, dịch vụ phát triển Khu du lịch Măng Đen sớm đạt các điều kiện để được công nhận khu du lịch quốc gia.

- Xây dựng và phát triển Khu du lịch Măng Đen trở thành một trong những động lực phát triển du lịch cả nước. Phân đấu đến năm 2045, Khu du lịch Măng Đen trở thành trung tâm du lịch, nghỉ dưỡng, văn hóa tầm cỡ quốc gia, quốc tế, với hệ thống hạ tầng xã hội và kỹ thuật, cơ sở vật chất đồng bộ, hiện đại, sản phẩm du lịch đa dạng, chất lượng cao, có thương hiệu và khả năng cạnh tranh với các nước trong khu vực và quốc tế.

- Nghiên cứu đề xuất đồng bộ các giải pháp quy hoạch xây dựng Khu du lịch Măng Đen đến năm 2045 nhằm khai thác các giá trị và tiềm năng tổng thể phát triển du lịch và

kinh tế - xã hội của huyện Kon Plông; kết nối thuận lợi với hạ tầng giao thông vận tải quốc gia; đảm bảo quốc phòng, an ninh.

- Xác định các kế hoạch, chương trình đầu tư và cơ chế quản lý phù hợp với việc tôn tạo, khai thác bền vững cảnh quan thiên nhiên, bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, tạo cơ sở để đáp ứng các nhu cầu và thu hút dự án đầu tư phát triển vùng du lịch và các khu thắng cảnh.

- Làm cơ sở thực hiện các quy hoạch cụ thể, khai thác tiềm năng, thế mạnh về tài nguyên thiên nhiên, quản lý xây dựng và phát huy giá trị của vùng du lịch, đồng thời bảo tồn sinh thái và nền văn hóa mang đậm bản sắc của địa phương.

1.4. Thời hạn lập quy hoạch

Đồ án quy hoạch chung khu du lịch Măng Đen, huyện Kon Plong, tỉnh Kon Tum được xác định thời hạn nghiên cứu quy hoạch theo các giai đoạn:

- Quy hoạch ngắn hạn đến 2030.
- Quy hoạch dài hạn đến năm 2045.

1.5. Phạm vi và quy mô quy hoạch

1.5.1. Phạm vi lập quy hoạch:

- Phạm vi ranh giới lập quy hoạch: Bao gồm tổng diện tích tự nhiên của thị trấn Măng Đen và 05 xã: Măng Bút, Đăk Tăng, Măng Cảnh, Hiếu và Pờ Ê, huyện Kon Plông, cụ thể:

- + Phía Bắc giáp các xã: Đăk Nên, Đăk Ring, Ngọc Tem;
- + Phía Nam giáp huyện Kon Rẫy và huyện KBang tỉnh Gia Lai;
- + Phía Đông giáp tỉnh Quảng Ngãi;
- + Phía Tây giáp huyện Tu Mơ Rông, huyện Kon Rẫy.

1.5.2. Quy mô lập quy hoạch:

- Diện tích nghiên cứu lập Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch Măng Đen khoảng **90.152**ha, trong đó:

+ Nghiên cứu thiết kế quy hoạch các khu dân dụng, ngoài dân dụng (*có tính đến xây dựng công trình tập trung*) thực hiện đối với phần diện tích không có rừng tự nhiên (*khoảng 19.148 ha*).

+ Đối với phần diện tích rừng tự nhiên (*khoảng 71.004 ha*): Định hướng quy hoạch khai thác hoạt động du lịch, tổ chức hệ thống hạ tầng kết nối phải đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Lâm nghiệp và các quy định của pháp luật liên quan.

Theo quy hoạch Lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021-2030. Trong diện tích nghiên cứu lập Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch Măng Đen khoảng 90.152 ha.

- + Diện tích không có rừng tự nhiên: khoảng **19.892,65** ha.
- + Đối với phần diện tích rừng tự nhiên: khoảng **70.259,35** ha.

II. Các dự báo phát triển

2.1. Dự báo tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, lao động

Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 đã được phê duyệt xác định Kon Plông nằm trong vùng liên huyện phía Đông của tỉnh có vai trò là vùng giữ vai trò quan trọng hàng đầu đối với phát triển kinh tế Tỉnh; cũng là nơi có đầu mối giao thông liên vùng quan trọng đang từng bước được đầu tư đồng bộ, hiện đại.

Huyện được xác định là một trong 2 vùng kinh tế động lực của Tỉnh Kon Tum đến 2030. Phát huy mọi tiềm năng, lợi thế, nguồn lực, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo để xây dựng huyện Kon Plông trở thành huyện phát triển theo hướng: “Văn hóa, sinh thái, cảnh quan, thân thiện môi trường”.

Xây dựng huyện lỵ Kon Plông gắn với khu du lịch quốc gia Măng Đen trở thành trọng điểm du lịch, phát triển đa dạng, phong phú, chất lượng đạt chuẩn quốc tế vào năm 2025 và trở thành trung tâm du lịch hàng đầu khu vực Tây Nguyên vào năm 2030. Xây dựng huyện Kon Plông trở thành vùng phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trọng điểm của Tỉnh vào năm 2025.

Tình hình kinh tế huyện Kon Plong trong năm 2022 phát triển ổn định. Tổng giá trị sản xuất đạt 2.397,6 tỷ đồng, đạt 98,2% KH. Cơ cấu kinh tế: Nông - lâm - thủy sản: 20,7%; công nghiệp - Xây dựng: 57,6 %; thương mại - dịch vụ: 21,7 %. Thu nhập bình quân đầu người ước đạt 33,5 triệu đồng.

Dự báo đến năm 2030: ngành công nghiệp - xây dựng chiếm 60%, ngành dịch vụ chiếm 25%, ngành nông lâm thủy sản chiếm 15%.

Dự báo đến năm 2040: ngành công nghiệp - xây dựng chiếm 63%, ngành dịch vụ chiếm 30%, ngành nông lâm thủy sản chiếm 7%.

2.2. Dự báo về dân số, lao động và khách du lịch

a. Dự báo dân số:

Bảng dự báo dân số KDL Măng Đen theo các giai đoạn quy hoạch

TT	Phân khu	Dân số hiện trạng năm 2023 (người)	Dân số dự kiến tính theo tăng tự nhiên (người)		Dân số tăng cơ học		Tổng dân số		Loại đô thị	
			Ngắn hạn đến 2030	Dài hạn đến 2045	Ngắn hạn đến 2030	Dài hạn đến 2045	Ngắn hạn đến 2030	Dài hạn đến 2045	Năm 2030	Năm 2045
1	Phân khu Thị trấn Măng Đen	5.629	9.300	40.000	47.500	75.000	56.800	115.000	IV	III
	Thị trấn Măng Đen hiện hữu		3.300	15.000	2.000		5.300	15.000		

TT	Phân khu	Dân số hiện trạng năm 2023 (người)	Dân số dự kiến tính theo tăng tự nhiên (người)		Dân số tăng cơ học		Tổng dân số		Loại đô thị	
			Ngắn hạn đến 2030	Dài hạn đến 2045	Ngắn hạn đến 2030	Dài hạn đến 2045	Ngắn hạn đến 2030	Dài hạn đến 2045	Năm 2030	Năm 2045
	Đô thị mới Măng Đen		6.000	25.000	45.000	75.000	51.000	100.000		
2	Phân khu Đô thị Măng Cành	2.709	4.500	10.000	500	5.900	5.000	15.900	V	V
3	Phân khu Đô thị Hiếu	3.599	5.900	10.000		5.000	5.900	15.000		V
4	Phân khu Đô thị Măng Bút	4.602	7.500	11.500		10.000	7.500	21.500		V
5	Phân khu xã Đăk Tăng	1.775	2.900	7.900			2.900	7.900		
6	Phân khu xã Pờ Ê	2.397	3.900	9.000			3.900	9.000		
	Tổng cộng	20.711	34.000	88.400	48.000	95.900	82.000	184.300		

b. Dự báo lao động:

* Lao động trong các ngành kinh tế:

Hiện nay tỷ lệ lao động/dân số là 36,4%. Dựa trên định hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện Kon Plông và dựa vào xu hướng phát triển nguồn nhân lực phục vụ công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ của huyện, dự báo:

- Lao động trong nền kinh tế của KDL Quốc gia Măng Đen năm 2030 đạt 45.100 người chiếm khoảng 55% dân số toàn KDL.

- Lao động trong nền kinh tế của KDL Quốc gia Măng Đen năm 2045 đạt 110.580 người chiếm khoảng 60% dân số toàn KDL.

Đây là con số dự báo nguồn nhân lực tại chỗ kết hợp với thu hút lao động khi các khu đô thị, khu du lịch được đầu tư hình thành và phát triển. Nếu tỉnh Kon Tum đẩy nhanh tốc độ phát triển, thu hút được các nhà đầu tư đến các ngành thương mại - dịch vụ - du lịch và khi nền kinh tế cả nước cũng như vùng Tây nguyên phát triển thì lượng lao động di cư đến làm việc tại huyện Kon Plông nói chung và KDL Măng Đen nói riêng có thể tăng cao hơn.

Huyện Kon Plông sẽ phải đẩy mạnh xây dựng cơ bản theo quy hoạch đô thị nhiều năm tới. Đi cùng với gia tăng phát triển du lịch và thương mại, cơ cấu lao động của KDL sẽ tiếp tục chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng lao động thương mại dịch vụ và giảm dần tỷ trọng lao động trong nông nghiệp.

- Lao động thương mại - dịch vụ: cùng với định hướng đẩy mạnh phát triển lĩnh vực dịch vụ, đặc biệt với xu hướng mở rộng không gian theo các trục đường chính và phát triển các khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng khiến lao động tham gia vào lĩnh vực dịch vụ thương mại, du lịch tăng nhanh cùng với việc chuyển đổi đáng kể lực lượng lao động ở khu vực nông thôn tham gia hoạt động trong các ngành thương mại, dịch vụ, du lịch. Dự kiến tỷ lệ lao động trong khu vực thương mại - dịch vụ tăng lên 40% năm 2030 và 50% năm 2045.

- Lao động công nghiệp: Xác định công nghiệp không phải là ngành kinh tế mũi nhọn của huyện Kon Plông và KDL Măng Đen trong tương lai, do đó tập trung đầu tư phát triển công nghiệp sạch, các khu, cụm công nghiệp theo quy hoạch. Dự kiến tỷ lệ lao động công nghiệp xây dựng giữ ổn định khoảng 30% trong cả giai đoạn 2030-2045.

Lao động khu vực nông - lâm - ngư nghiệp: với sự chuyển đổi mạnh mẽ cơ cấu lao động khu vực nông nghiệp, nông thôn sang làm dịch vụ, thương mại du lịch dẫn đến tỷ trọng lao động trong nông nghiệp giảm mạnh. Dự kiến tỷ lệ lao động khu vực nông nghiệp giảm xuống còn 25% năm 2030 và 15% năm 2045.

c. Dự báo quy mô khách du lịch:

** Dự báo quy mô khách du lịch*

- Giai đoạn đến năm 2030 dự kiến lượng khách du lịch đạt khoảng 2.500.000 lượt, thời gian lưu trú dự kiến trung bình 3,5 ngày. Dân số quy đổi từ khách du lịch đạt: 48.000 người.

- Giai đoạn đến năm 2045 dự kiến lượng khách du lịch đạt khoảng 5.000.000 lượt, thời gian lưu trú dự kiến trung bình 3,5 ngày. Dân số quy đổi từ khách du lịch đạt: 95.900 người.

Bảng tính toán dân số quy đổi theo khách du lịch

TT	Hạng mục	Năm 2030	Năm 2045
1	Số lượt khách tạm trú dưới 6 tháng	2.500.000	5.000.000
2	Số ngày tạm trú trung bình	3,5	3,5
3	Dân số tạm trú quy đổi	48.000	95.900

** Dự báo quy mô cơ sở lưu trú:*

- Dự báo năm 2030: khoảng 8.000 - 10.000 phòng.

- Dự báo năm 2045: khoảng 16.000 - 20.000 phòng.

- Định hướng phát triển sản phẩm du lịch cho Măng Đen dựa trên:

+ **Du lịch nghỉ dưỡng:** là loại hình du lịch khai thác tiềm năng về khí hậu, , với các loại hình chính:

- ✓ Du lịch nghỉ dưỡng: khai thác tiềm năng khí hậu cảnh quan của Măng Đen để phát triển các khu du lịch nghỉ dưỡng.
- ✓ Du lịch điều dưỡng chữa bệnh: khai thác tiềm năng nguồn dược liệu quý để hình thành các trung tâm du lịch chữa bệnh.

+ **Du lịch sinh thái:** là loại hình du lịch khai thác các thế mạnh về thiên nhiên, cảnh quan, môi trường sinh thái của Măng Đen, với các loại sản phẩm chính gồm:

- ✓ Các tour tham quan cảnh quan của Măng Đen: rừng nguyên sinh, thăm quan thác Pa sĩ, thác Đăk Ke tại xã Đăk Long, thác Ro Xia 1 tại xã Măng Bút, hồ thủy điện tại Măng bút.
- ✓ Các tour du lịch nghiên cứu sinh thái tại khu Bảo tồn thiên nhiên, khu rừng già, khu vực sông suối...
- ✓ Các tour du lịch dã ngoại gắn với môi trường thiên nhiên như: tour du lịch khám phá suối Đăk Ke, thác Pa sĩ, lòng hồ thủy điện thượng Kon Tum, Đăk lô, khám phá đường Trường Sơn Đông với khung cảnh thiên nhiên hùng vĩ, trên con đường mòn băng qua rừng sẽ gặp các thảm thực vật cổ đại ngành dương xỉ với các hình dáng lá đặc biệt, gặp các cây chò cổ thụ, đi qua các con suối thác nước trong vắt và được ngâm mình trong dòng suối nước nóng, được cắm trại nghỉ qua đêm cảm nhận không khí trong lành mát mẻ của rừng núi hoặc tuyến du lịch leo núi cắm trại thăm quan quần thể loài Thông 5 lá quý hiếm, băng qua rừng Đỗ quyên, đi qua nhiều thác, cắm trại ngủ qua đêm gần thác nước tại rừng cảm nhận thiên nhiên yên bình, buổi sáng được nghe, quan sát các loài chim, thú...

+ **Du lịch văn hóa:** là loại hình du lịch được phát triển trên cơ sở khai thác các giá trị văn hóa đặc sắc của Măng Đen, bao gồm:

- ✓ Các tour tham quan các bản làng dân tộc thiểu số: làng Kon Prink - xã Đak Long, làng Kon Tu rắng - Măng Cành, làng Vio Lak và Vik Oa - xã Pờ Ê,
- ✓ Các chương trình du lịch khảo cứu, sưu tầm văn hóa dân tộc thiểu số: trên địa bàn huyện Kon Plông gồm có các dân tộc Xê Đăng, Kơ Dong, Mơ Nâm và Hrê. Mỗi tộc người đều có phong tục và sinh hoạt đặc thù, độc đáo riêng.
- ✓ Các tour tham quan hệ thống di tích văn hóa, lịch sử.
- ✓ Các tour du lịch ẩm thực nghiên cứu và thưởng thức các đặc sản vùng Măng Đen.
- ✓ Các tour thăm quan và tham dự lễ hội tại địa phương.
- ✓ Các tour du lịch trải nghiệm cuộc sống với người dân tộc thiểu số.

+ **Du lịch vui chơi giải trí:** là các loại hình du lịch đáp ứng nhu cầu của khách du lịch và dân cư địa phương. Các loại hình vui chơi giải trí:

- ✓ Vui chơi giải trí theo mô hình công viên chuyên đề.
- ✓ Các dịch vụ vui chơi giải trí như Karaoke, Games....

✓ Các dịch vụ vui chơi giải trí cao cấp như: spa, golf...

+ **Du lịch văn hóa - tâm linh:**

Phát triển các hoạt động thăm quan, tìm hiểu quần thể chùa Khánh Lâm, Tượng đài chiến thắng Măng Đen gắn với các di tích lịch sử, văn hóa trên địa bàn huyện; Đức mẹ Măng Đen.

+ **Các loại hình du lịch thương mại:**

✓ Phát triển hoạt động thăm quan, trải nghiệm các trang trại nông nghiệp công nghệ cao, tạo ra sản phẩm du lịch cho nhiều đối tượng khách du lịch, khách có thể mua và thưởng thức các sản phẩm nông nghiệp tại vườn.

✓ Du khách có thể tham gia vào quá trình sản xuất, thu hoạch. Các điểm du lịch và các cửa hàng bày bán sản phẩm đặc trưng của địa phương được phát triển đáp ứng nhu cầu mua sắm của du khách.

✓ Xây dựng các trung tâm thương mại phục vụ du lịch.

+ **Du lịch khám chữa bệnh:**

Dựa trên nguồn dược liệu của địa phương, phát triển sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng kết hợp khám chữa bệnh y học cổ truyền, phát huy giá trị nguồn dược liệu phong phú; đặc biệt, kết hợp với các vùng trồng sâm Ngọc Linh tại huyện Kon Plong và huyện Tu Mơ Rông.

+ **Du lịch thể thao mạo hiểm:**

Với đặc trưng về địa hình đồi núi, nhiều sông suối, thác và lòng hồ thủy điện phát triển các loại hình thể thao mạo hiểm, thể thao cao cấp như: nhảy dù, tàu lượn, kính khí cầu... tại các khu vực có điều kiện quỹ đất. Đặc biệt, trên các lòng hồ thủy điện tổ chức các môn thể thao nước, các điểm ngủ đêm trên thuyền...

+ **Các loại hình du lịch khác:** là các loại hình sản phẩm du lịch mang tính bổ trợ, đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách du lịch như:

✓ Du lịch cuối tuần: phục vụ nhu cầu của cư dân trong Tỉnh và các khu vực lân cận trong dịp cuối tuần.

✓ Tổ chức hội thảo: thu hút các tổ chức trong nước và quốc tế.

III. Tầm nhìn, tính chất, chiến lược

3.1. Tầm nhìn

Xây dựng khu du lịch Măng Đen trở thành: **THÀNH PHỐ DU LỊCH TRONG TỰ NHIÊN**

- Mô hình mới của phát triển du lịch gắn với cộng đồng;

- Định hình lối sống hòa hợp với tự nhiên;

- Hướng đến Sức khỏe và Thể chất;

- Xây dựng cộng đồng xanh không phát thải ròng;

- Mang bản sắc văn hóa dân tộc là điểm đến du lịch mang tầm quốc gia - quốc tế.

3.2. Tính chất

Là khu du lịch nằm trong quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Quốc gia, với trọng tâm là các hoạt động kinh tế du lịch khai thác các lợi thế độc đáo về điều kiện khí hậu, cảnh quan

tự nhiên và nét văn hóa truyền thống mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc của địa phương, có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là du lịch cho tỉnh Kon Tum, khu vực Tây nguyên, trong nước và quốc tế; bảo đảm quốc phòng, an ninh, thích ứng với biến đổi khí hậu; nâng cao chất lượng, ổn định đời sống nhân dân.

3.3. Các chiến lược phát triển

Cụ thể hóa các chiến lược phát triển đã được nghiên cứu, đề xuất bao gồm:

(1) Chiến lược 1: Định hình khung hệ sinh thái

- Tìm kiếm khu vực tiềm năng hình thành các hồ nước mới. Lựa chọn các vị trí có cảnh quan đẹp, có khả năng hình thành các hồ nước. Với các địa phương miền núi, việc có thể hình thành các hồ nước trong khu ở và các khu chức năng du lịch giúp tạo cảnh quan cũng như dự trữ lượng nước phục vụ cho sinh hoạt.

- Diện tích rừng phòng hộ được gìn giữ và hạn chế tác động vào diện tích rừng tự nhiên để bảo vệ khung thiên nhiên xanh.

(2) Chiến lược 2: Phát triển kinh tế Măng Đen

- Phát triển du lịch với nhiều sản phẩm du lịch đa dạng như: Du lịch nghỉ dưỡng và chăm sóc sức khỏe; Du lịch sinh thái; Du lịch văn hóa: Các tour du lịch trải nghiệm cuộc sống với người dân tộc thiểu số; Du lịch vui chơi giải trí; Các loại hình du lịch khác như Du lịch cuối tuần; Du lịch thể thao cao cấp: đáp ứng nhu cầu của khách du lịch với các loại hình như: nhảy dù, tàu lượn, kính khí cầu...; Tổ chức hội thảo: thu hút các tổ chức trong nước và quốc tế.

- Phát triển nông nghiệp dựa trên các sản phẩm nông nghiệp đặc sắc của địa phương. Hình thành các vùng nông nghiệp chất lượng cao gắn với các hoạt động du lịch tham quan và trải nghiệm. Hình thành các trang trại nông nghiệp hữu cơ, đưa mô hình thực phẩm hữu cơ từ trang trại đến bàn ăn. Gắn các nguồn dược liệu quý của địa phương vào các hoạt động du lịch chăm sóc sức khỏe.

- Phát triển các cụm công nghiệp dựa trên nguồn nguyên liệu và lao động địa phương.

- Ngành dịch vụ bao gồm hành chính công; dịch vụ du lịch, nông nghiệp và công nghiệp; dịch vụ chăm sóc sức khỏe và người cao tuổi.

(3) Chiến lược 3: Hạ tầng giao thông xanh kết nối các trung tâm du lịch – đô thị

- Nâng cấp mạng lưới giao thông đối ngoại như QL 24, ĐT 676, đường Trường Sơn Đông...

- Hình thành các trục chính đô thị, trục giao thông phục vụ du lịch.

- Kết nối giao thông từ cảng hàng không Măng Đen, cao tốc Kon Tum – Quảng Ngãi vào các khu chức năng du lịch và khu ở.

- Hình thành tuyến tàu điện kết nối các trung tâm.

- Trong từng trung tâm quy hoạch hệ thống xe điện, cáp treo phục vụ vận chuyển và đi lại.

IV. Định hướng phát triển không gian:

4.1. Mô hình cấu trúc không gian du lịch - không gian đô thị và nông thôn

Khu du lịch Măng Đen phát triển với cấu trúc:

Hai hành lang phát triển – Ba trung tâm du lịch - Bốn đô thị

- Hai hành lang phát triển các khu chức năng du lịch - đô thị là DT 676 và QL 24.

- Ba trung tâm du lịch - Bốn đô thị gồm:

- Trung tâm du lịch trung tâm bao gồm Thị trấn Măng Đen và Đô thị Măng Cành: được định hướng là vùng du lịch sinh thái nông nghiệp, khu thị trấn bên hồ với các dịch vụ hậu cần, sân bay, trung tâm thương mại, khu nhà ở và dịch vụ ven hồ, làng hưu trí và các dịch vụ khác.

- Trung tâm du lịch phía Bắc bao gồm Đô thị Măng Bút và xã Đăk Tăng: được định hướng là khu du lịch sinh thái Hồ với các tiện ích chăm sóc sức khỏe, biệt thự nghỉ dưỡng trang trại, thị trấn bên hồ, cụm sân Golf bên sườn đồi, cộng đồng dân cư bên hồ và làng hưu trí. Ngoài ra ở đây còn xây dựng mô hình thị trấn trong rừng và thung lũng văn hoá với nhiều tiện ích quan trọng như : du lịch sân Golf, nghỉ dưỡng sinh thái, du lịch văn hoá và nghỉ dưỡng trang trại.

- Trung tâm du lịch phía Đông bao gồm Đô thị Hiếu và xã Pờ Ê được định hướng là khu du lịch khám phá – trải nghiệm với các tiện ích: trải nghiệm rừng sinh thái, nhà ở, khu bảo tồn động vật hoang dã, khu biệt thự ở, nghỉ dưỡng trong rừng, chèo thuyền và cắm trại...

4.2 Phân vùng kiểm soát

Dựa trên hai hành lang DT 676 và QL 24 KDL Măng Đen phân thành 06 phân khu, bao gồm:

- Phân khu thị trấn Măng Đen (phân khu trung tâm) ;

- Phân khu Đô thị Măng Cành;

- Phân khu Đô thị Măng Bút;

- Phân khu xã Đăk Tăng;

- Phân khu Đô thị Hiếu;

- Phân khu xã Pờ Ê;

a. Phân khu thị trấn Măng Đen:

- Vị trí: Thuộc thị trấn Măng Đen huyện Kon PLông.

- Tính chất, chức năng: Là khu trung tâm hành chính, chính trị, du lịch, văn hóa, thể dục thể thao của thị trấn Măng Đen và huyện Kon Plông, nơi tập trung các đầu mối giao thông quan trọng và cửa ngõ của KDL Măng Đen.

- Quy mô diện tích: 14.806,64ha.

- Quy mô dân số dự kiến:

+ Đến năm 2030: 56.800 người.

+ Đến năm 2045: 115.000 người.

- Tầng cao: 1 - 5 tầng (Một số công trình thương mại, dịch vụ, hỗn hợp cho phép xây dựng tầng cao 7 tầng; Một số công trình điểm nhấn cho phép xây dựng tầng cao tối đa là 15 tầng).

- Mật độ xây dựng gộp: 30 - 40%.

- Định hướng chính:

+ Phát triển mở rộng đô thị về phía Đông, phía Tây thị trấn.

+ Đối với khu vực phía Đông: Hình thành khu đô thị mới khu vực xung quanh cảng hàng không Măng Đen và khu vực hồ nước mới; phát triển nhà ở kết hợp thương mại dịch vụ, góp phần tạo cảnh quan đô thị khu vực cửa ngõ. Hình thành các resort nghỉ dưỡng ven hồ, khu chăm sóc sức khỏe, làng hưu trí; công viên chủ đề; công viên thảo dược để du khách trải nghiệm và chăm sóc sức khỏe; bảo tàng văn hóa; khách sạn – trung tâm hội thảo; trung tâm mua sắm và khu TDTT.

+ Đối với khu vực phía Tây: Phát triển các khu ở mới nằm xen kẽ với các khu vực rừng cảnh quan. Các khu vực đã được cấp cho các dự án phát triển nông nghiệp sạch, trồng các sản phẩm hoa quả xứ lạnh và dược liệu xuất khẩu theo quyết định 298 về quy hoạch vùng du lịch Măng Đen tiếp tục hoạt động và sẽ kết hợp với du lịch trải nghiệm.

+ Đối với khu vực thị trấn hiện hữu: Cải tạo, chỉnh trang cảnh quan khu vực trung tâm; hình thành hệ thống các công viên cấp đô thị, các công viên chuyên đề văn hóa, công viên cây xanh dọc sông suối, hồ và thác nước. Tổ chức kiến trúc công trình biểu tượng và công trình điểm nhấn tại các khu vực có cảnh quan đẹp. Nhằm phát triển thêm nhiều loại hình sản phẩm du lịch, phát triển xung quanh điểm du lịch hồ Đắc Ke và xung quanh Quảng trường Măng Đen được kết nối bởi tuyến Quốc lộ 24 (đường Phạm Văn Đồng) các tuyến phố đi bộ, chợ đêm...

+ Đối với Hệ thống các di tích lịch sử cách mạng chiến thắng Măng Đen: Đây là cụm cứ điểm M11(đồn A), M12, đài tưởng niệm chiến thắng Măng Đen. Các khu vực này được khoanh vùng bảo vệ với bán kính 500m.

+ Bố trí công trình hạ tầng xã hội đảm bảo đủ cung cấp tiện nghi đô thị cho người dân theo loại đô thị.

b. Phân khu Đô thị Măng Cành:

- Vị trí: Thuộc xã Măng Cành huyện Kon PLông.

- Tính chất, chức năng: Cùng với thị trấn Măng Đen là trung tâm du lịch chính của huyện Kon Plông. Là khu đô thị, dịch vụ du lịch, vui chơi giải trí với chủ đề công viên rừng.

- Quy mô diện tích: 13.185,85ha.

- Quy mô dân số dự kiến:

+ Đến năm 2030: 5.000 người.

+ Đến năm 2045: 15.900 người.

- Tầng cao: 1 - 5 tầng. (Một số công trình thương mại, dịch vụ, hỗn hợp cho phép xây dựng tầng cao 7 tầng).

- Mật độ xây dựng gộp: 30 - 40%.

- Định hướng chính:

+ Hình thành hồ nước dựa trên thềm địa hình tự nhiên. Các khu vực rừng tự nhiên được khoanh vùng bảo vệ hình thành các điểm du lịch dưới tán rừng.

+ Các khu du lịch, khu nhà ở được phân bố theo dạng vành đai xung quanh khu vực hồ nước.

+ Các sản phẩm du lịch ở đây gồm: Công viên văn hóa, khu nghỉ dưỡng, khu phố ẩm thực, khu chợ đồng bào dân tộc và các điểm du lịch trải nghiệm – khám phá.

+ Quy hoạch phát triển loại hình du lịch cộng đồng tại 04 thôn Kon Chênh, thôn Măng Cành, thôn Tu Ma, thôn Ko Du.

+ Du lịch trải nghiệm sinh thái tại Hồ nước Lô, thác nước Lô quy mô khoảng 10 ha; Du lịch cộng đồng sinh thái tại sông, suối nước Si Nghé, suối nước Lo, thác nước Tiang, thác nước Tây và thác nước Rô Líc.

+ Phát triển các làng nghề gắn với du lịch cộng đồng; quy hoạch các trung tâm giới thiệu sản phẩm thủ công của người dân như: dệt thổ cẩm, đan lát... gắn liền với khu sân cộng đồng, nhà Rông văn hóa.

+ Quy hoạch 01 bên thủy nội địa phục vụ du lịch.

c. Phân khu Đô thị Măng Bút:

- Vị trí: Thuộc xã Măng Bút huyện Kon PLông.

- Tính chất, chức năng: Là khu đô thị, dịch vụ du lịch nghỉ dưỡng sinh thái kết hợp chăm sóc sức khỏe gắn với vùng được liệu truyền thống.. Phát triển khu du lịch và khu ở với hồ nước mới.

- Quy mô diện tích: 18.835,01ha.

- Quy mô dân số dự kiến:

+ Đến năm 2030: 7.500 người.

+ Đến năm 2045: 21.500 người.

- Tầng cao: 1 - 5 tầng. (Một số công trình thương mại, dịch vụ, hỗn hợp cho phép xây dựng tầng cao 7 tầng).

- Mật độ xây dựng gộp: 35 - 45%.

- Định hướng chính:

+ Dựa trên địa hình khu vực hình thành hồ cảnh quan, khu công viên cây xanh, công viên vui chơi giải trí. Không gian cây xanh và mặt nước này là trung tâm hình thành khu ở mới, dịch vụ công cộng, trung tâm văn hóa...

+ Phát triển các khu nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe, làng hưu trí nằm trên sườn núi, có tầm nhìn trải ra hồ nước. Tại đây cũng hình thành các khu TDTT nhằm phát triển các hoạt động TDTT cho du khách và người dân.

+ Phát triển các điểm du lịch như sông Đăk Nghé, hồ thủy lợi HBrai 3 thuộc cụm Thủy lợi Snghe thôn Măng Bút có quy mô khoảng 20 ha, phát triển loại hình du lịch sinh thái.

+ Sân bay Măng Bút trở thành sân bay lưỡng dụng phục vụ cho hoạt động du lịch và quân sự.

+ Quy hoạch khu trồng sâm Ngọc Linh kết hợp với Du lịch sinh thái tại 04 thôn: Đăk Y Pai; Đăk Chun; Đăk Lanh và Đăk Dắt nhằm đẩy mạnh thương hiệu sâm Ngọc Linh của địa phương cũng như hướng dẫn du khách tham quan, trải nghiệm và mua các sản vật địa phương tại đây.

+ Quy hoạch bảo tồn, tôn tạo khu di tích chiến thắng Măng Bút.

+ Bố trí công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đảm bảo phục vụ đời sống người dân theo tiêu chí đô thị loại V.

d . Phân khu xã Đăk Tăng:

- Vị trí: Thuộc xã Đăk Tăng huyện Kon PLông.

- Tính chất, chức năng: Là trung tâm dịch vụ du lịch sinh thái gắn với DT 676 và hồ thủy điện Thượng Kon Tum.

- Quy mô diện tích: 11.684,59ha.

- Quy mô dân số dự kiến:

+ Đến năm 2030: 2.900 người.

+ Đến năm 2045: 7.900 người.

- Tầng cao: 1 - 5 tầng.

- Mật độ xây dựng gộp: 30 - 40%.

- Định hướng chính:

+ Phát triển các điểm du lịch gắn liền với đường DT 676, làng đồng bào dân tộc truyền thống và hồ thủy điện Thượng Kon Tum.

+ Tại hồ thủy điện Thượng Kon Tum hình thành điểm du lịch tại khu vực xung quanh hồ, các khu đảo 1, đảo 2 (nằm trên lòng hồ thủy điện). Phát triển các sản phẩm du lịch trải nghiệm trên lòng hồ như trò chơi thể thao nước mạo hiểm, chèo thuyền kayak, đua thuyền... Quy hoạch 01 bến thủy nội địa phục vụ du lịch.

+ Thôn Vi Ring; Vi Xây; Rô Xia và Làng Vi Rơ Ngheo cải tạo chỉnh trang, bổ sung các điểm dịch vụ phục vụ du lịch đảm bảo theo các tiêu chí làng cộng đồng du lịch.

+ Khai thác du lịch tại thác Nhông Xây (khu 28 hộ); khai thác du lịch tại thôn Rô Xia (du lịch cắm trại, dã ngoại ven suối) gắn với đô thị Măng Bút trong tương lai; vùng nuôi trồng thủy sản kết hợp du lịch; các dự án trồng sâm, trồng dược liệu kết hợp du lịch.

+ Bố trí công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đảm bảo phục vụ đời sống người dân.

e . Phân khu Đô thị Hiếu:

- Vị trí: Thuộc xã Hiếu huyện Kon PLông.

- Tính chất, chức năng: Là khu đô thị, du lịch nghỉ dưỡng sinh thái phía Đông.

- Quy mô diện tích: 20.492,86ha.

- Quy mô dân số dự kiến:

- + Đến năm 2030: 5.900 người.
- + Đến năm 2045: 15.000 người.
- Tầng cao: 1 - 5 tầng. (Một số công trình thương mại, dịch vụ, hỗn hợp cho phép xây dựng tầng cao 7 tầng).
- Mật độ xây dựng gộp: 30 - 40%.
- Định hướng chính:
 - + Tại ngã tư giữa đường Trường Sơn Đông và QL 24 hình thành trung tâm du lịch với quy mô 80 ha với vai trò là điểm trung chuyển và cung cấp thông tin du lịch. Đồng thời tại đây hình thành khu hỗ trợ sản xuất nông nghiệp và trưng bày sản phẩm địa phương.
 - + Hình thành điểm du lịch cộng đồng thôn Kon Plông với diện tích khoảng 10ha nằm dọc đường Trường Sơn Đông; Điểm du lịch tâm linh xã Hiếu, tại thôn Vi ChRinh diện tích khoảng 1.3ha; Điểm du lịch sinh thái và trải nghiệm đồi chè thôn Tu cần và thôn Vi Choong diện tích khoảng 30ha; điểm du lịch sinh thái Thác Srách thôn Kon Plông với diện tích khoảng 5ha; điểm du lịch sinh thái Thác Pa Chu thôn Kon Klùng với diện tích khoảng 2ha; điểm du lịch sinh thái và boi thuyền trải nghiệm tại khu vực lồng hồ 1 thôn Kon Plinh với diện tích khoảng 100ha.
 - + Điểm dân cư hiện trạng xã Hiếu giữ nguyên vị trí. Hình thành đô thị Hiếu với quy mô khoảng 300 ha gắn liền với cụm công nghiệp huyện Kon Plông.
 - + Phát triển khu sản xuất nông nghiệp 500 ha phát triển trồng chè; kết hợp hình thành khu hỗ trợ sản xuất nhằm giúp du khách tiếp cận với các sản phẩm của địa phương. Đồng thời tại khu hỗ trợ sản xuất này, du khách cũng được hướng dẫn tham quan cũng như trải nghiệm 1 ngày làm người nông dân. Đây cũng là sản phẩm du lịch mà du khách quốc tế ưa thích.
 - + Bố trí công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đảm bảo phục vụ đời sống người dân theo tiêu chí đô thị loại V.
- e . Phân khu xã Pờ Ê:
 - Vị trí: Thuộc xã Pờ Ê huyện Kon PLông.
 - Tính chất, chức năng: Là trung tâm dịch vụ du lịch sinh thái gắn với vùng sản xuất nông nghiệp chè và cà phê.
 - Quy mô diện tích: 11.132,77ha.
 - Quy mô dân số dự kiến:
 - + Đến năm 2030: 3.900 người.
 - + Đến năm 2045: 9.000 người.
 - Tầng cao: 1 - 5 tầng.
 - Mật độ xây dựng gộp: 30 - 40%.
 - Định hướng chính:

+ Phát triển mô hình nông nghiệp cà phê xứ lạnh. Quy hoạch khu hỗ trợ dịch vụ sản xuất,

+ Hình thành trung tâm du lịch có quy mô 100 ha gồm các khu nghỉ dưỡng, khu TDTT tập trung, khu thương mại – dịch vụ để quảng cáo cho hình ảnh cà phê xứ lạnh.

+ Trung tâm du lịch này được đặt vị trí nằm sát khu đô thị Hiếu hình thành 1 cụm động lực về du lịch – đô thị - cụm công nghiệp của xã Hiếu và Pờ Ê.

+ Hình thành cụm du lịch đầu đèo Vi Ô Lắc với tính chất là điểm dừng chân và nơi trưng bày bán sản phẩm truyền thống của địa phương với quy mô khoảng 10- 20 ha kết hợp với tham quan trải nghiệm tại làng du lịch cộng đồng Vi Ô Lắc. Khôi phục nghề đan lát, nghề dệt thổ cẩm tại làng Vi Ô Lắc 2; quy hoạch điểm tập trung sản xuất cũng như hướng dẫn khách du lịch tham gia làm sản phẩm mang về làm quà tặng...

+ Hình thành các điểm du lịch thăm quan hồ Nước Long, Nước Long 1, Nước Long 2.

+ Bố trí công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đảm bảo phục vụ đời sống người dân.

4.3. Quy hoạch sử dụng đất

- Giai đoạn quy hoạch đến năm 2030:

+ Đất xây dựng các khu chức năng có diện tích 5.748,97 ha chiếm 6,38% tổng diện tích toàn KDL. Trong đó:

* Đất phát triển dân cư có diện tích 976,28 ha chiếm tỷ lệ 1,08% tổng diện tích toàn KDL với khoảng 544,28 ha đất phát triển dân cư đô thị.

* Đất dịch vụ du lịch có diện tích 771,30 ha chiếm tỷ lệ 0,86% tổng diện tích toàn KDL.

+ Đất khu vực nông nghiệp và các chức năng khác có diện tích 84.403,59 ha chiếm tỷ lệ 93,62% tổng diện tích toàn KDL.

- Giai đoạn quy hoạch đến năm 2045:

+ Đất xây dựng các khu chức năng có diện tích 12.877,17 ha chiếm 14,28% tổng diện tích toàn KDL. Trong đó:

* Đất phát triển dân cư có diện tích 1.688,79 ha chiếm tỷ lệ 1,87% tổng diện tích toàn KDL với khoảng 1.112,79 ha đất phát triển dân cư đô thị.

* Đất dịch vụ du lịch có diện tích 3.856,51 ha chiếm tỷ lệ 4,28% tổng diện tích toàn KDL.

+ Đất khu vực nông nghiệp và các chức năng khác có diện tích 77.275,39 ha chiếm tỷ lệ 85,72% tổng diện tích toàn KDL.

Bảng cân bằng sử dụng đất KDL Măng Đen

TT	Hạng mục sử dụng đất	Hiện trạng 2022		Quy hoạch năm 2030		Quy hoạch năm 2045	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	Dân số (người)	19.770		82.000		184.300	
	Tổng diện tích quy hoạch	90.152,56	100,00	90.152,56	100,00	90.152,56	100,00
I	KHU VỰC XÂY DỰNG CÁC CHỨC NĂNG	2.871,10	3,18	5.748,97	6,38	12.877,17	14,28
1	Đất phát triển dân cư	576,00	0,64	976,28	1,08	1.688,79	1,87
1.1	Đất phát triển dân cư đô thị	194,21	0,00	544,28	0,60	1.112,79	1,23
1.2	Đất phát triển dân cư nông thôn	381,79	0,42	432,00	0,48	576,00	0,64
2	Đất giáo dục	43,01	0,05	60,00	0,07	75,00	0,08
3	Đất dịch vụ - công cộng	68,47	0,08	77,47	0,09	154,94	0,17
4	Đất cây xanh sử dụng công cộng	9,77	0,01	110,26	0,12	344,03	0,38
5	Đất cây xanh chuyên dụng	0,00	0,00	289,86	0,32	466,21	0,52
6	Đất trung tâm văn hoá, thể dục thể thao	5,25	0,01	151,42	0,17	1.098,08	1,22
7	Đất giao thông	374,76	0,42	596,21	0,66	1.192,42	1,32
8	Đất dịch vụ, du lịch	0,00	0,00	771,30	0,86	3.856,51	4,28
9	Đất thương mại dịch vụ	436,36	0,48	702,51	0,78	1.905,03	2,11
10	Đất phát triển hỗn hợp	0,00	0,00	175,36	0,19	219,20	0,24
11	Đất phát triển sản xuất công nghiệp, kho tàng	0,00	0,00	100,00	0,11	100,00	0,11
12	Đất cơ quan, trụ sở đô thị	23,83	0,03	28,59	0,03	50,00	0,06
13	Đất trung tâm y tế	2,35	0,00	8,00	0,01	10,00	0,01
14	Đất di tích, tôn giáo	11,41	0,01	11,41	0,01	11,41	0,01
15	Đất an ninh	2,06	0,00	9,86	0,01	9,86	0,01
16	Đất quốc phòng	18,62	0,02	179,12	0,20	179,12	0,20
17	Đất hạ tầng kỹ thuật khác	1.260,29	1,40	1.451,55	1,61	1.451,55	1,61
18	Đất nghĩa trang	38,92	0,04	49,75	0,06	65,02	0,07
II	KHU VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ CHỨC NĂNG KHÁC	87.281,46	96,82	84.403,59	93,62	77.275,39	85,72
1	Đất sản xuất nông nghiệp	12.505,68	13,87	10.755,92	11,93	6.045,36	6,71
2	Đất lâm nghiệp	73.962,67	82,04	72.968,01	80,94	70.517,01	78,22
3	Đất nuôi trồng thủy sản	28,32	0,03	28,32	0,03	28,32	0,03
4	Mặt nước (Hồ, ao, đầm, sông, suối, kênh, rạch)	500,88	0,56	563,57	0,63	626,19	0,69
5	Đất chưa sử dụng	283,92	0,31	87,78	0,10	58,52	0,06

Dự báo đến giai đoạn quy hoạch đến năm 2045:

+ Đất xây dựng các khu chức năng có diện tích 12.877,17 ha chiếm 14,28% tổng diện tích toàn KDL.

+ Đất khu vực nông nghiệp và các chức năng khác có diện tích 77.275,39 ha chiếm tỷ lệ 85,72% tổng diện tích toàn KDL.

4.3.2. Đánh giá sự phù hợp với quy hoạch tỉnh Kon Tum

Bảng đánh giá – giải trình – so sánh với QHT Kon Tum

TT	Hạng mục sử dụng đất	Tính toán theo đồ án QHC KDL Quốc gia Măng Đen	Số liệu theo QHT Kon Tum	Giải trình – Đánh giá
A	Dân số	- Giai đoạn ngắn hạn đến 2030: 82.000 người (dân số thường trú 34.000 người) - Giai đoạn dài hạn đến 2045: 184.300 người (dân số thường trú 88.400 người)	- Giai đoạn đến 2030: 35.000 người (chưa bao gồm dân số quy đổi)	Đã phù hợp với QHT
B	Đất đai			
I	Đất phi nông nghiệp	- Giai đoạn ngắn hạn đến 2030: 5,548,97 ha - Giai đoạn dài hạn đến 2045: 12.877,17 ha	- Giai đoạn đến 2030: 7.266 ha	
1	Đất y tế	- Giai đoạn ngắn hạn đến 2030: 8 ha - Giai đoạn dài hạn đến 2045: 10 ha	- Giai đoạn đến 2030 phân bổ cho huyện Kon Plong diện tích đất y tế khoảng 8 ha. - Không xây dựng bệnh viện đa khoa giai đoạn này: Quy hoạch giường bệnh tại trung tâm y tế huyện Kon Plong, thị trấn Măng Đen từ 60 giường lên 90 giường bệnh. Nâng cấp các phòng khám đa khoa khu vực đáp ứng cơ bản nhu cầu của người dân và giảm tải cho các bệnh viện tuyến trên. Cùng cố mạng lưới y tế của xã và y tế thôn làng cả về cơ sở vật chất, trang thiết bị và cán bộ. Triển khai xây dựng mô hình thí điểm trạm y tế tuyến xã hoạt động theo nguyên lý y học gia	- Với quy mô dân số đến năm 2045 khoảng 184.300 người cần thiết phải xây dựng 1 bệnh viện đa khoa để phục vụ cho nhu cầu khám chữa bệnh của người dân. - Theo tính toán căn cứ QCVN 01-2021, tối thiểu 4 giường bệnh/1000 dân, diện tích tối thiểu 100m ² /giường, cho nên quy mô bệnh viện đa khoa theo tính toán có diện tích khoảng 7,37 ha. - Cùng với quy mô hiện trạng của các cơ sở y tế hiện hữu cho nên QHC KDL bố trí khoảng 10 ha đất y tế cho khu vực quy hoạch, riêng giai đoạn đến 2030 vẫn tuân thủ QHT là khoảng 8 ha

TT	Hạng mục sử dụng đất	Tính toán theo đồ án QHC KDL Quốc gia Măng Đen	Số liệu theo QHT Kon Tum	Giải trình – Đánh giá
			đình, phòng khám bác sĩ gia đình cùng làm nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, phòng bệnh và khám, chữa bệnh cho nhân dân trên địa bàn.	
2	Đất cơ quan trụ sở	- Giai đoạn ngắn hạn đến 2030: 28,59 ha - Giai đoạn dài hạn đến 2045: 50 ha	- Giai đoạn đến 2030: 33 ha	Đã phù hợp với QHT
3	Đất phát triển dân cư	- Giai đoạn ngắn hạn đến 2030: 976,28 ha - Giai đoạn dài hạn đến 2045: 1.688,79 ha	- Giai đoạn đến 2030: 1.159 ha	Đã phù hợp với QHT quỹ đất chênh lệch là các khu vực phát triển cho các xã nằm ngoài ranh giới KDL
4	Đất an ninh	- Giai đoạn ngắn hạn đến 2030: 9,86 ha - Giai đoạn dài hạn đến 2045: 9,86 ha	- Giai đoạn đến 2030: 9 ha	Số liệu QHC đưa ra đã cập nhật theo Văn bản số 847/CAT-ANKT ngày 14/3/2024 của Công an Tỉnh, đất an ninh đến giao đoạn 2045 có diện tích khoảng 9,86ha
5	Đất phát triển sản xuất công nghiệp, kho tàng	- Giai đoạn ngắn hạn đến 2030: 100 ha - Giai đoạn dài hạn đến 2045: 100 ha	- Giai đoạn đến 2030: 100 ha	Đã phù hợp với QHT
6	Đất trung tâm văn hoá, thể dục thể thao	- Giai đoạn ngắn hạn đến 2030: 151,42 ha - Giai đoạn dài hạn đến 2045: 1.098,08 ha	- Giai đoạn đến 2030: 171 ha	Đã phù hợp với QHT quỹ đất chênh lệch là các khu vực phát triển cho các xã nằm ngoài ranh giới KDL

V. Định hướng quy hoạch hệ thống Hạ Tầng kỹ thuật

5.1 Cao độ nền và thoát nước mặt

a. Cao độ nền

Cao độ nền xây dựng: Nhìn chung hầu hết các điểm dân cư đều xây dựng trên cao độ không bị ảnh hưởng hàng năm của lũ suối (tỷ lệ nhà dân xây dựng ven suối không lớn), Tuy nhiên do nạn phá rừng khai thác gỗ, biến đổi khí hậu toàn cầu hiện tượng mưa nhiều với cường độ lớn, lũ quét, sạt lở đất xảy ra nhiều hơn và trên diện rộng. Do đó công tác về định hướng cao độ nền đảm bảo không bị ngập lụt tại các khu vực chưa xảy ra lũ quét sạt lở đất:

- Đối với các công trình , điểm dân cư đã ổn định, giữ nguyên cao độ nền hiện trạng.

- Khi xây dựng công trình dân dụng mới, nền xây dựng cần hài hoà với các công trình hiện có. Những vị trí có độ dốc $i < 10\%$ chỉ san gạt cục bộ. Mặt bằng lớn chỉ san gạt khi cần thiết, cố gắng cân bằng khối lượng đào đắp tại chỗ.

- Đối với các điểm dân cư xây dựng mới cần lựa chọn đất chính xác, tại những khu vực không bị ảnh hưởng của Lũ lụt, lũ quét, sạt lở đất.

- Khai thác phát triển tại những khu vực có độ dốc nền $\leq 10\%$.

b. Thoát nước mặt

a. Hệ thống thoát nước :

- Đối với đô thị Măng Đen và sân bay lựa chọn hệ thống thoát nước riêng giữa nước mưa và nước thải

- Đối với các khu vực còn lại, lựa chọn hệ thống thoát nước chung cho nước mưa và nước thải

b. Lưu vực thoát nước:

- Toàn bộ khu vực quy hoạch bao gồm 2 lưu vực thoát nước chính:

+ Lưu vực 1: Lưu vực phía Tây và Nam khu vực, bao gồm đô thị Măng Đen và phần lớn phía Tây các xã Măng Bút, xã Đăk Tăng, phía Nam xã Măng Cành, khu vực phía Nam xã Hiếu, nước mưa thoát nước về các suối Đăk Nghé, suối Đăk Ke, suối Đăk Pô Ne và suối Đăk Re.

+ Lưu vực 2: Lưu vực phía Đông và Bắc khu vực bao gồm phía Bắc khu vực xã Hiếu, phía Bắc xã Măng Cành và toàn bộ xã Pờ Ê, nước mưa thoát nước về các suối Đăk Leng, suối La Ê và suối Nước Long.

c. Quy hoạch Thủy Lợi

Trong những năm gần đây do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và tác động của con người nên mùa mưa thì lũ lụt lớn gây ngập úng, sạt lở, bồi lấp, mùa khô thì dòng chảy cạn kiệt, không đảm bảo nhu cầu cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt của người dân. Các nghiên cứu về ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến công trình thủy lợi, điều chỉnh quy hoạch thủy lợi khu vực trong điều kiện biến đổi khí hậu nhằm mục đích khắc phục những tồn tại trên và phát triển bền vững cần có các công tác sau:

+ Xây dựng mới các công trình thủy lợi tại những xã chưa có và chưa đủ.

+ Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa các công trình đã xuống cấp đảm bảo công suất thiết kế.

+ Cải tạo hệ thống kênh mương hợp lý để phục vụ tốt cho tưới và cấp nước.

5.2. Giao thông

a. Giao thông đường bộ:

- Đường bộ đối ngoại: Tuân thủ theo *Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050* đã được Thủ tướng chính phủ phê duyệt tại quyết định số 1454/QĐ - TTg ngày 01 tháng 09 năm 2021.

+ *Cao tốc KonTum – Quảng Ngãi*: Tuyến đường đang được nghiên cứu về hướng tuyến và quy mô. Khi hình thành tuyến đường sẽ là trục giao thông quan trọng kết nối tỉnh KonTum với các tỉnh ven biển và giúp tăng cường kết nối về giao thông đường bộ, tạo động lực phát triển cho khu vực nghiên cứu (Thực hiện theo dự án riêng)

+ Quốc lộ 24: Điểm đầu giáp ranh Quảng Ngãi, điểm cuối giao với quốc lộ 14C. Đoạn qua địa phận tỉnh Kon Tum có chiều dài 156km. Đoạn ngoài đô thị theo quy mô đường cấp III với 2 - 4 làn xe cơ giới. Đoạn qua khu vực đô thị được thiết kế theo tính chất đường đô thị với bề rộng mặt cắt ngang đường từ 28 - 30m với 4 làn xe.

+ Đường Trường Sơn Đông: Tuyến đường có chiều dài khoảng 52Km, điểm đầu giáp ranh với Tỉnh Quảng Nam, điểm cuối giáp ranh Tỉnh Gia Lai. Giai đoạn 2021 - 2030, quy hoạch tối thiểu là đường cấp IIIMN, với quy mô từ 2-4 làn xe. Giai đoạn sau 2030 và định hướng đến năm 2050, duy tu bảo dưỡng giữ cấp theo quy hoạch và đầu tư nâng cấp với quy mô từ 4 làn xe.

+ Quốc lộ 24D (QL.24D): Theo Quy hoạch tỉnh KonTum thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt tại quyết định số 1756/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2023. Điểm đầu giáp ranh Quảng Ngãi, điểm cuối giao với đường Hồ Chí Minh tại huyện Đăk Hà. Đoạn qua khu vực nghiên cứu được nâng cấp từ một phần đường tỉnh ĐT.676 và hình thành đoạn tuyến mới kết nối với huyện Kon Rẫy. Quy mô đường cấp III với 2 - 4 làn xe cơ giới.

- **Đường tỉnh:** Tuân thủ theo Quy hoạch tỉnh KonTum thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt tại quyết định số 1756/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2023.

+ *Đường tỉnh 676 (ĐT.676):* Điểm đầu tại thị trấn Măng Đen giao với Quốc lộ 24 (Km114+170), điểm cuối tại xã Đăk Tăng, huyện Kon Plông giao với Quốc lộ 24D. Giai đoạn 2021-2030 nâng cấp, mở rộng toàn tuyến tối thiểu đạt tiêu chuẩn tối thiểu cấp III miền núi, quy mô từ 2-4 làn xe. Đoạn qua thị trấn Măng Đen theo quy hoạch đô thị với bề rộng 27 – 30m. Giai đoạn sau năm 2030 duy tu bảo dưỡng giữ cấp theo quy hoạch; Định hướng đến năm 2050: Duy tu, bảo dưỡng đảm bảo lưu thông trên tuyến và định hướng đầu tư nâng cấp toàn tuyến tiêu chuẩn cấp II từ 04 làn xe trở lên.

+ Đường tỉnh 672 (ĐT.672): Điểm đầu tiếp giáp với Đường tỉnh 673 tại xã Măng Ri huyện Tu Mơ Rông, điểm cuối giao với Quốc lộ 24D tại thôn Ngọc Hoàng (xã Đăk Ring, huyện Kon Plông), đi qua xã Măng Ri, Tê Xăng, Văn Xuôi, Ngọc Yêu huyện Tu Mơ Rông, xã Măng Bút, Đăk Ring (huyện Kon Plông) dài 64,4Km. 2021-2030 nâng cấp, mở rộng toàn tuyến tối thiểu đạt cấp IV miền núi. Sau 2030: tiếp tục duy tu, bảo dưỡng đảm bảo lưu thông trên tuyến và định hướng đầu tư nâng cấp toàn tuyến tối thiểu đạt cấp III miền núi từ 2-4 làn xe.

+ Đường tỉnh 680 (ĐT.680): Điểm đầu tại xã Hòa Bình, thành phố Kon Tum (giao với đường Hồ Chí Minh); điểm cuối tại xã Măng Cành, huyện Kon Plông (giao với đường Trường Sơn Đông); toàn tuyến dài 104,38 km qua địa bàn các xã Hòa Bình, Ia Chim, Đăk Năng, Kroong, Vinh Quang thành phố Kon Tum; xã Đăk La, xã Ngọc Vang, Ngọc Ráo huyện Đăk Hà; xã Đăk Tờ Lung huyện Kon Rẫy, xã Măng Cành huyện Kon Plông. Quy hoạch đến năm 2025 đạt cấp IV miền núi. Giai đoạn 2021-2030: Hoàn thành xây dựng đoạn tuyến từ xã Ngọc Ráo, huyện Đăk Hà (giao với ĐT.671) đến đường Đông Trường Sơn dài 44,59 km tối thiểu đạt cấp IV miền núi. Giai đoạn sau năm 2030: triển khai xây dựng đoạn tuyến còn lại tối thiểu đạt tiêu chuẩn cấp III miền núi, quy mô từ 2- 4 làn xe. Định hướng đến năm 2050: duy tu giữ nguyên quy mô, đảm bảo lưu thông trên các tuyến giao thông.- Hệ thống đường bộ đối nội:

+ Đường huyện: Tuân thủ theo Quy hoạch tỉnh KonTum thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt tại quyết định số 1756/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2023. Khu vực nghiên cứu có 8 tuyến đường huyện đi qua, bao gồm 4 tuyến đường huyện hiện trạng (ĐH.31, ĐH.34, ĐH.33, ĐH.35) và 4 tuyến đường huyện mới (ĐH.32, ĐH.32A,

ĐH.35A, ĐH.37). Các tuyến đường được cải tạo nâng cấp, xây mới đảm bảo quy mô đường cấp III, cấp IV, cấp V với 2 làn xe cơ giới.

+ Đường đô thị: Tập trung tại khu vực Thị trấn Măng Đen, đô thị sân bay, đô thị Măng Bút, đô thị Pờ Ê. Hệ thống đường được cải tạo nâng cấp, hình thành mới đảm bảo kết nối các khu vực chức năng với hệ thống giao thông đối ngoại. Bề rộng mặt cắt đường 23 - 68m với 4 - 8 làn xe.

b. Giao thông đường hàng không:

Tuân thủ theo *Quy hoạch tổng thể phát triển cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng chính phủ phê duyệt tại quyết định số 648/QĐ – TTg ngày 07 tháng 06 năm 2023*. Sân bay Măng Đen tại thị trấn Măng Đen với quy mô dự kiến cấp 4E với công suất 3 – 5 triệu HK/năm, giúp tăng cường kết nối giao thông và tạo động lực phát triển cho khu vực nghiên cứu.

c. Hệ thống công trình phục vụ giao thông:

- Hệ thống bến, bãi đỗ xe:

+ *Bến xe*: Đề xuất 3 bến xe thành phố (Bến xe Măng Bút, bến xe Măng Đen, bến xe Hiếu) với quy mô khoảng 1.0 – 3.0ha với quy mô bến xe cấp 2, đảm bảo phục vụ nhu cầu phát triển của khu vực nghiên cứu.

+ Bãi đỗ xe tập trung: Đề xuất các bãi đỗ xe tập trung với quy mô 0.1 – 0.5 ha phục vụ nhu cầu đỗ xe của khu du lịch trong tương lai. Hệ thống bãi đỗ xe tập trung được bố trí tại các khu vực đầu mối giao thông, các khu vực đô thị, khu vực du lịch... Vị trí và quy mô các bãi đỗ xe sẽ được xác định cụ thể trong các Quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết...

- Hệ thống nút giao thông khác mức và hầm qua đường:

Khi tuyến cao tốc Kon Tum – Quảng Ngãi được hình thành, đề xuất các nút giao khác mức liên thông và hệ thống hầm chui qua đường cao tốc để đảm bảo khả năng kết nối giữa hai phía của đường cao tốc và kết nối khu vực nghiên cứu với hệ thống giao thông quốc gia.d. Hệ thống giao thông công cộng:

- Tuyến tàu điện Măng Bút – Măng Đen – Pờ Ê: Đề xuất tuyến tàu điện kết nối từ Sân bay Măng đi qua các trung tâm du lịch Pờ Ê - Măng Đen - Măng Cảnh – Đăk Tăng – Măng Bút để tăng cường kết nối liên vùng cho khu vực nghiên cứu và hỗ trợ hệ thống giao thông đường bộ. Tổng chiều dài toàn tuyến khoảng 35km với 7 ga chính (Ga sân bay, ga Măng Đen, ga Đăk Tăng, ga Măng Cảnh, ga Măng Bút, ga Hiếu, ga Pờ Ê).

- Hệ thống xe điện công cộng: Hình thành hệ thống các tuyến xe điện công cộng tại thị trấn Măng Đen và các khu trung tâm du lịch (Măng Đen, Măng Bút, Đăk Tăng, Hiếu, Măng Cảnh, Pờ Ê, đô thị sân bay) để phục vụ vận tải hành khách.

- Hệ thống xe buýt: Duy trì hoạt động các tuyến xe buýt hiện trạng, nâng cao chất lượng phục vụ để hỗ trợ năng lực vận tải của hệ thống giao thông của thành phố. Hình thành mới các tuyến xe buýt với lộ trình trùng với hướng tuyến của các tuyến đường Vành đai của thành phố, để tăng cường năng lực vận tải công cộng và hỗ trợ năng lực vận tải của hệ thống giao thông thành phố.

5.3. Cấp nước

5.3.1. Đánh giá nguồn nước:

a.1.Nguồn nước mặt:

Nước mặt: Hệ thống sông suối trên địa bàn huyện Kon Plong tương đối phong phú với hệ thống sông suối khá đồng đều.

- Nhánh sông Đăk Pnê: là thượng nguồn của sông Đăk Bla, sông dài khoảng 30km được hợp thủy bởi nhiều suối nhỏ chảy từ xã Măng Cành đổ về huyện Kon Rẫy. Sông Đăk Bla chảy theo hướng Đông Bắc - Tây Nam và hợp với sông Sê San cách YaLy 16 km về phía thượng lưu. Độ cao đầu nguồn sông là 1.650m, tại vị trí nhập lưu vào Sê San có độ cao là 1.100m. Đổ vào sông Đăk Bla có 18 nhánh sông suối chính, với độ dài đa số từ 10 - 70km.

- Nhánh sông Đăk Nghé: là thượng nguồn của sông Đăk Bla, sông bắt nguồn từ dãy núi Ngọc Rin cao 1848m ở xã Măng Buk huyện Kon Plong, chảy theo hướng Đông – Tây rồi Bắc Nam. Sông có chiều dài khoảng 61km, diện tích lưu vực 350km² bắt nguồn từ xã Măng Bút chảy qua xã Măng Cành đổ về huyện Kon Rẫy. Lưu vực sông có địa hình phức tạp, phù hợp với khai thác xây dựng thủy điện kết hợp lấy nước tưới sản xuất nông nghiệp.

- Sông Đăk Lò: Chảy qua xã Ngọc Tem dài 15km đổ về tỉnh Quảng Ngãi.

- Sông Đăk Xo Rách: Chảy dọc theo danh giới xã Ngọc Tem và xã Pờ Ê chảy về tỉnh Quảng Ngãi.

- Sông Đăk Ring: Chảy qua xã Đăk Ring dài khoảng 20km chảy về tỉnh Quảng Ngãi.

- Suối Đăk Rô Mach: Chạy dọc ranh giới xã Đăk Rô Mach dài khoảng 20km chảy về tỉnh Quảng Ngãi.

- Sông Đăk Re: Chảy qua xã Hiếu theo hướng Đông Tây đổ về tỉnh Quảng Ngãi.

- Suối Đăk Ke: Bắt nguồn từ lâm trường Măng Cành chảy theo hướng Bắc qua xã Măng Cành, xã Đăk Long rồi đổ về huyện Kon Rẫy.

- Hồ Đăk Pô Ne B: Hồ B: Dung tích toàn bộ là 0,122 triệu m³, diện tích hồ chứa 2,5ha, lưu lượng thiết kế = 7,44m³/s.

- Hồ thủy điện thượng Kon Tum: diện tích lưu vực Flv = 374km²; Dung tích toàn bộ là 145 triệu m³, diện tích mặt hồ 7.081km², lưu lượng thiết kế = 29.96m³/s. Hồ thủy điện khởi công từ năm 2009 và hoàn thành vào năm 2020.

a.2. Nguồn nước ngầm:

- Nước ngầm tuy chưa có số liệu khảo sát, nhưng thực tế các giếng nước đào của dân có nước ở độ sâu 10-15m. Những nơi đồi núi cao thì phải khoan hàng trăm mét (Măng Đen).

- Nước ngầm trong khu vực có trong các lớp đất đá nứt nẻ, phân bố ở khắp nơi và trong các bồi tích á cát, xuất hiện nhiều ở các thung lũng sông suối. Mực nước ngầm giữa mùa khô và mùa mưa dao động trong khoảng từ 3m-5m. Mực nước ngầm ở độ sâu từ 5m-10m trong mùa mưa và 20m-30m trong mùa khô.

b. Lựa chọn nguồn nước:

- Theo các số liệu trên thì nguồn nước thô chính cấp cho khu vực là nước mặt các suối trên địa bàn.

5.3.2. Định hướng cấp nước diện rộng

a. Phân vùng cấp nước:

- Phát triển hệ thống cấp nước từng phân vùng tập trung với độ tin cậy cao của nguồn cấp nước. Xuất phát từ thực trạng cơ sở hạ tầng, khả năng cung ứng của nguồn nước (các nhà máy nước) và cấu trúc phát triển khu du lịch Măng Đen với hai hành lang phát triển – ba trung tâm chia ra thành 06 vùng cấp nước chính như sau:

+ Vùng cấp nước 1: Phân khu thị trấn Măng Đen thuộc Trung tâm du lịch trung tâm (Xã Măng Cành – Thị trấn Măng Đen). NMN phục vụ là NMN Măng Đen hiện có nâng công suất.

+ Vùng cấp nước 2: Phân khu đô thị Măng Cành thuộc Trung tâm du lịch trung tâm (Xã Măng Cành – Thị trấn Măng Đen). NMN phục vụ là NMN Măng Cành xây mới.

+ Vùng cấp nước 3: Phân khu đô thị Hiếu thuộc Trung tâm du lịch phía Đông (xã Hiếu – Pờ Ê). NMN phục vụ là NMN Hiếu xây mới.

+ Vùng cấp nước 4: Phân khu xã Pờ Ê thuộc Trung tâm du lịch phía Đông (xã Hiếu – Pờ Ê). Sử dụng hệ thống cấp nước tự chảy.

+ Vùng cấp nước 5: Phân khu xã Đăk Tăng thuộc Trung tâm du lịch phía Bắc (xã Đăk Tăng – Măng Bút). NMN phục vụ là NMN Đăk Tăng xây mới.

+ Vùng cấp nước 6: Phân khu đô thị Măng Bút thuộc Trung tâm du lịch phía Bắc (xã Đăk Tăng – Măng Bút). NMN phục vụ là NMN Măng Bút xây mới.

Phân vùng cấp nước được cụ thể hóa phù hợp theo phân kỳ đầu tư của dự án và thực tế khi triển khai dự án

b. Chỉ tiêu cấp nước và nhu cầu dùng nước:

(1) Chỉ tiêu: Tuân thủ Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 phê duyệt theo Quyết định số 1756/QĐ-TTg ngày 31/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

(2) Nhu cầu: Nhu cầu dùng nước các giai đoạn 2030-2045 tương ứng là 23.000 - 61.000 m³/ngày đêm.

5.3.3 Định hướng cấp nước diện rộng

a. Công trình đầu mối:

* Vùng cấp nước 1:

- Phân khu thị trấn Măng Đen thuộc Trung tâm du lịch trung tâm (Xã Măng Cành – Thị trấn Măng Đen).

- NMN phục vụ là NMN Măng Đen hiện có nâng công suất (*hiện có*).

- Nhu cầu tổng cộng tương ứng các giai đoạn 2030 - 2045 là 13.000 - 33.000 m³/ngày đêm.

- Công trình thu đáp ứng: 01 công trình thu nước thô hồ chứa B Đăk Pô Ne và hồ chứa suối Đăk Ke, công suất đáp ứng theo các giai đoạn phát triển 2030 - 2045 tương ứng là 13.000 - 33.000 m³/ngày đêm. Nguồn bổ cập và dự phòng vào mùa kiệt là hồ thủy điện

Thượng Kon Tum, tại Xã Đăk Kôi, huyện Kon Rẫy và xã Đăk Tăng, huyện Kon Plông (nguồn suối Đăk Nghé)

- Nhà máy nước (NMN) đáp ứng: NMN Măng Đen (*hiện có*): vị trí tại thị trấn Măng Đen, công suất hiện có 1.300-1.500 m³/ngày đêm, công suất các giai đoạn 2030 - 2045 tương ứng là 13.000 - 33.000 m³/ngày đêm.

* Vùng cấp nước 2:

- Phân khu đô thị Măng Cành thuộc Trung tâm du lịch trung tâm (Xã Măng Cành – Thị trấn Măng Đen)..

- NMN phục vụ là NMN Măng Cành (*xây mới*).

- Nhu cầu tổng cộng tương ứng các giai đoạn 2030 - 2045 là 2.000 - 6.000 m³/ngày đêm

- Công trình thu đáp ứng: 01 công trình thu nước thô hồ chứa suối Đăk Nghé, công suất đáp ứng theo các giai đoạn phát triển 2030 - 2045 tương ứng là 2.000 - 6.000 m³/ngày đêm. Nguồn bổ cập và dự phòng vào mùa kiệt là hồ thủy điện Thượng Kon Tum, tại Xã Đăk Kôi, huyện Kon Rẫy và xã Đăk Tăng, huyện Kon Plông (nguồn suối Đăk Nghé).

- Nhà máy nước (NMN) đáp ứng: NMN Măng Cành (*xây mới*): vị trí tại Măng Cành, công suất các giai đoạn 2030 - 2045 tương ứng là 2.000 - 6.000 m³/ngày đêm.

* Vùng cấp nước 3:

- Phân khu đô thị Hiếu thuộc Trung tâm du lịch phía Đông (xã Hiếu – Pờ Ê)..

- NMN phục vụ là NMN Hiếu (*xây mới*).

- Nhu cầu tương ứng các giai đoạn 2030 - 2045 là 2.000 - 7.000 m³/ngày đêm.

- Công trình thu đáp ứng: 01 công trình thu nước thô hồ chứa suối Đăk Nghé, công suất đáp ứng theo các giai đoạn phát triển 2030 - 2045 tương ứng là 2.000 - 6.000 m³/ngày đêm

- Nhà máy nước (NMN) đáp ứng: NMN Hiếu (*xây mới*): vị trí tại Hiếu, công suất các giai đoạn 2030 - 2045 tương ứng là 2.000 - 7.000 m³/ngày đêm.

* Vùng cấp nước 4:

- Phân khu xã Pờ Ê thuộc Trung tâm du lịch phía Đông (xã Hiếu – Pờ Ê).

- Sử dụng hệ thống cấp nước tự chảy: Trạm cấp nước SH Trung tâm xã và các TCN tự chảy khác công suất tổng cộng 1.000 – 3.000 m³/ngày đêm.

* Vùng cấp nước 5:

- Phân khu xã Đăk Tăng thuộc Trung tâm du lịch phía Bắc (xã Đăk Tăng – Măng Bút)..

- NMN phục vụ là NMN Đăk Tăng (*xây mới*).

- Nhu cầu tương ứng các giai đoạn 2030 - 2045 là 1.000 - 2.000 m³/ngày đêm.

- Công trình thu đáp ứng: 01 công trình thu nước thô hồ chứa suối Đăk Vi, công suất đáp ứng theo các giai đoạn phát triển 2030 - 2045 tương ứng là 1.000 - 2.000 m³/ngày đêm

- Nhà máy nước (NMN) đáp ứng: NMN Đăk Tăng (*xây mới*): vị trí tại Đăk Tăng, công suất các giai đoạn 2030 - 2045 tương ứng là 1.000 - 2.000 m³/ngày đêm.

* Vùng cấp nước 6:

- Phân khu đô thị Măng Bút thuộc Trung tâm du lịch phía Bắc (xã Đăk Tăng – Măng Bút).
- NMN phục vụ là NMN Măng Bút (xây mới).
- Nhu cầu tương ứng các giai đoạn 2030 - 2045 là 4.000 - 10.000 m³/ngày đêm.
- Công trình thu đáp ứng: 01 công trình thu nước thô hồ chứa suối Đăk Nghé, công suất đáp ứng theo các giai đoạn phát triển 2030 - 2045 tương ứng là 4.000 - 10.000 m³/ngày đêm
- Nhà máy nước (NMN) đáp ứng: NMN Măng Bút (xây mới): vị trí tại Măng Bút, công suất các giai đoạn 2030 - 2045 tương ứng là 4.000 - 10.000 m³/ngày đêm.

5.4. Cấp điện, cung cấp năng lượng

5.4.1. Giải pháp quy hoạch cấp điện

- Dự báo nhu cầu phụ tải điện được tính dựa trên cơ sở dự báo về dân số, sử dụng đất.
- Nhu cầu cấp điện sinh hoạt, dịch vụ đến năm 2045 (làm tròn số): 147,87mW.
- Nhu cầu cấp điện sản xuất công nghiệp, kho tàng đến năm 2045 (làm tròn số): 62,42mW.
- Tổng công suất nhu cầu khu vực lập quy hoạch có xét đến hệ số đồng thời, dự phòng cho các gia đoạn đến năm 2045 (làm tròn số): 147 Mw.

5.4.2. Giải pháp quy hoạch cấp điện

➤ Nguồn cấp điện:

- Giai đoạn 2021-2030: Nâng công suất Trạm 110/22kV Kon Plông từ 1x40mVA thành 2x40mVA.
- Giai đoạn ngoài 2030: Dự kiến xây dựng Trạm 220/110/22kV Kon Plông 1x250mVA để gom các nguồn điện tái tạo khu vực huyện Kon Plông. Dự kiến xây dựng Trạm 110/22kV Kon Plông 2 công suất 1x40mVA

➤ **Nguồn năng lượng:** Ngoài ra trong ranh giới nghiên cứu đang có 05 nhà máy thủy điện đang vận hành và được phát vào hệ thống điện quốc gia hàng năm, có 3 nhà máy thủy điện đang trong quá trình lập dự án đầu tư và 1 dự án tiềm năng là nhà máy thủy điện tích năng.

➤ Phân bố nguồn cấp theo phân vùng phát triển:

Hạng mục	Hiện trạng	GĐ: 2024-2030	GĐ: ngoài 2030	Phân vùng cấp điện
Trạm 220kV Kon Plông			1x250 mVA	Phân khu Thị trấn Măng Đen, đô thị Hiếu, khu vực xã Pờ Ê
Trạm 110kV Kon Plông	40mVA	2x40mVA	2X40mVA	
Trạm 110kV Kon Tum 2			1X40mVA	Phân khu Măng Cành, Măng Búp và Đăk Tăng
Thủy điện Đăk Pô Ne	15,6 mW	1X27mW	1X27mW	Hòa với lưới điện quốc gia
Thủy điện Đăk Re	60mW	2X50mW	2X50mW	

Hạng mục	Hiện trạng	GĐ: 2024-2030	GĐ: ngoài 2030	Phân vùng cấp điện
Thủy điện Bo Ko 2	12,6mW			
Thủy điện Nước Long 1	3,2mW			
Thủy điện Nước Long 2	6,4mW			
Thủy điện Đăk nghé		7mW		
Thủy điện Bô Ko1		23,5mW		
Thủy điện Đăk Re Thượng		14mW		
Thủy điện Tích năng Kon Plông			1200mW	

5.4.3. Phát triển lưới điện:

a. Lưới điện 500Kv:

- Theo công văn số 584 /SGTVT –KHTC về việc đề xuất phương án di dời đường dây 500kV tại huyện Kon PLông với nội dung như sau:

+ Tại khu vực nghiên cứu lập Đề án khả năng hình thành Cảng hàng không Măng Đen (CHK) và lập QHC Khu du lịch Măng Đen hiện trạng có tuyến đường dây 500kV đi qua, gồm 2 mạch: mạch 2 Plei Ku-Dốc Sỏi, mạch 3 Dốc Sỏi – Plei Ku2 tại khu vực đường cất hạ cánh Cảng hàng không Măng Đen đường dây 500 kV cắt qua phễu bay với khoảng cách từ 300m-800m ảnh hưởng đến hoạt động bay của Cảng hàng không.

- Đề xuất phương án di dời:

+ Di dời tuyến đường dây 500kV mạch 2 Plei Ku - Dốc Sỏi, từ vị trí cột số 166 đến cột số 210 (gồm 44 vị trí cột), chiều dài tuyến đường dây khoảng 21,2km;

+ Di dời tuyến đường dây 500kV mạch 3 Dốc Sỏi – Plei Ku, từ vị trí cột số 198 đến cột số 229 (32 vị trí cột), chiều dài tuyến đường dây khoảng 17,7km.

+ Dự kiến đường dây 500kV di dời về phía Đông và Đông Nam khu vực Cảng hàng không Măng Đen(bên phải so với hiện trạng tuyến đường dây 500Kv và tuyến cao tốc hướng từ Kon tum đi Quảng Ngãi).

+ Vị trí đoạn 500kV di dời cắt qua phễu cất hạ cánh về phía Tây Bắc của Cảng hàng không Măng Đen tối thiểu là 1500m.

- Đường dây 500kV là công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia theo Quyết định số 1944/QĐ-TTg ngày 04/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ do vậy việc di dời hướng tuyến cần được nghiên cứu, đánh giá kỹ lưỡng đảm bảo hiệu quả kinh tế, an ninh quốc phòng...

b. Lưới điện 220kv:

- Liên kết với tỉnh Quảng Ngãi bằng đường dây 2 mạch ACSR 400, dài 21km từ Quảng Ngãi đi nhà máy thủy điện Thượng Kon Tum.

- Dự kiến đến ngoài 2030 căn cứ tình hình phát triển các nguồn năng lượng tái tạo sẽ bổ sung trạm biến áp 220kV Kon Plông tại khu vực huyện Kon Plông để gom công suất điện tái tạo quy mô lớn. Trạm biến áp 220kv Kon Plông đấu nối về đường dây mạch kép Quảng Ngãi- Thượng Kon Tum.

c. Lưới điện 110kV:

- Lưới điện 110kV cần được thiết kế mạch vòng từ thanh cái 110kV của 2 trạm 220kV, hoặc cấp điện từ 2 phân đoạn thanh cái 110kV khác nhau của 1 trạm 220kV. Đường dây 110kV cấp điện đến trạm 110kV đảm bảo cung cấp điện an toàn ổn định và có độ dự phòng cho phát triển các năm tiếp theo;

- Các đường dây trên không xây dựng mới hoặc cải tạo sử dụng cột thép nhiều mạch để tiết kiệm đất. Đường dây 110kV có thể được thiết kế đi chung cột với đường dây 220kV;

- Khu vực trung tâm thành phố, khu đô thị mới hoặc các khu có tính chất đặc biệt về kinh tế, chính trị, xây dựng mới đường dây 110kV có thể dùng cáp ngầm, các trạm 110kV có thể dùng công nghệ GIS. Lưới điện 110kV xây dựng mới có thể dùng dây dẫn trên không hoặc cáp ngầm có tiết diện $\geq 240\text{mm}^2$;

- Các trạm biến áp được thiết kế với quy chuẩn lắp đặt ít nhất 2 máy biến áp, trong chế độ vận hành bình thường các trạm biến áp 110kV mang tải từ (75-80)% công suất. Phù hợp với mật độ phụ tải khu vực, chọn máy biến áp trạm 110kV có công suất $\geq 40\text{MVA}$, các trạm khách hàng chuyên dùng tùy theo nhu cầu sử dụng sẽ chọn công suất gam máy thích hợp.

d. Lưới điện phân phối trung áp:

+ Lưới trung áp được thiết kế mạch vòng, vận hành hở. Mạch vòng được cấp điện từ 2 trạm 110kV, từ 2 thanh cái phân đoạn của 1 trạm 110kV có 2 máy biến áp hoặc từ thanh cái trạm biến áp 110kV.

+ Các đường trục trung áp ở chế độ làm việc bình thường mang tải tối đa 60% công suất so với công suất mang tải cực đại cho phép để đảm bảo an toàn cấp điện khi sự cố.

+ Ở khu vực đô thị có yêu cầu cao về mỹ quan đô thị và các khu đô thị mới cần sử dụng loại cáp ngầm XLPE tiết diện $\geq 240\text{mm}^2$ cho đường trục.

+ Khu vực ngoại thành nên dùng các loại dây AC hoặc AV có tiết diện $\geq 70, 120, 150\text{mm}^2$.

+ Ở các khu công nghiệp nên dùng các loại cáp ngầm XLPE tiết diện $\geq 240\text{mm}^2$;

+ Đối với trạm biến áp công cộng, công suất trạm được tính toán lựa chọn theo nguyên tắc đủ khả năng cung cấp điện cho phụ tải dân sinh theo quy định. Công suất trạm được lựa chọn phù hợp mật độ phụ tải với hệ số mang tải từ 65% trở lên.

+ Khu vực đô thị mới nên sử dụng máy biến áp 3 pha gam máy từ (250-1600)kVA.

e. Lưới điện hạ áp và chiếu sáng:

- Cáp ngầm hạ thế khu vực đô thị sử dụng cáp có tiết diện đường trục $\geq 95\text{mm}^2$, tiết diện đường nhánh $\geq 70\text{mm}^2$, bán kính cấp điện $\leq 300\text{m}$.

- Khu vực ngoại thị, nông thôn sử dụng đường dây trên không hoặc cáp vặn xoắn (ABC) có tiết diện đường trục $\geq 70\text{mm}^2$, tiết diện đường nhánh $\geq 50\text{mm}^2$, bán kính cấp điện $\leq 1.200\text{m}$

- Phát triển chiếu sáng đô thị kết hợp cải tạo với xây dựng mới, đồng bộ với hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị.

- Sử dụng các nguồn năng lượng mới, tái tạo trong hoạt động chiếu sáng nhằm tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sử dụng điện - năng lượng và bảo vệ môi trường.

5.4.4. Giải pháp quy hoạch cung cấp năng lượng

- Năng lượng hóa thạch: Phát triển hệ thống kho chứa, kho dự trữ và hệ thống cung cấp xăng dầu đảm bảo yêu cầu về số lượng, chất lượng, phù hợp quy hoạch và đáp ứng sự phát triển kinh tế - xã hội của từng khu vực đô thị, khu công nghiệp tập trung và nhu cầu

tiêu dùng nhiên liệu của dân cư. Xây dựng mới, mở rộng và nâng cấp các cửa hàng hiện có với quy mô phù hợp đảm bảo yêu cầu hiện đại hoá và phục vụ văn minh thương mại. Di chuyển các cửa hàng xăng dầu không đảm bảo yêu cầu theo quy định.

- Thủy điện: Trong địa bàn huyện Kon Plông hiện đang có khoảng 25 dự án nhà máy thủy điện trong đó khu vực nghiên cứu đang có 05 nhà máy thủy điện đã vận hành và được phát vào hệ thống điện quốc gia hàng năm, 03 dự án đang trong quá trình lập dự án đầu tư và triển khai xây dựng và 1 dự án tiềm năng là nhà máy thủy điện tích năng Kon Plông.

- Năng lượng gió: Tiềm năng năng lượng gió tại tỉnh Kon Tum là vô cùng lớn bởi khí hậu và địa hình nơi đây. Đặc biệt hiện trên địa bàn huyện Kon Plông hiện đang có khoảng 28 dự án nhà máy điện gió đang trong giai đoạn khảo sát.

5.5. Hệ thống viễn thông thụ động

5.5.1. Dự báo nhu cầu thuê bao toàn khu vực:

a. Chỉ tiêu tính toán:

- Đối với khu vực dân sinh:

+ Đến năm 2030: Số thuê bao internet (băng rộng cố định và băng rộng di động) đạt (80-90) thuê bao/100 dân; Tỷ lệ phủ sóng thông tin di động trên dân số đạt 100%.

+ Đến năm 2040: Số thuê bao internet (băng rộng cố định và băng rộng di động) đạt 100 thuê bao/100 dân; Tỷ lệ phủ sóng thông tin di động trên dân số đạt 100%.

- Đối với các khu công nghiệp: Số thuê bao internet (băng rộng cố định và băng rộng di động): 15 Thuê bao/ha

- Đối với các khu dịch vụ công cộng: Dung lượng thuê bao cho các công trình công cộng, dịch vụ lấy bằng 30-40% nhu cầu thuê bao của sinh hoạt.

b. Dự báo nhu cầu thuê bao:

- Nhu cầu thuê bao khu vực sinh hoạt, công cộng theo phân vùng chức năng giai đoạn đến năm 2045 ước tính khoảng: 256.300 thuê bao.

- Nhu cầu thuê bao khu công nghiệp, kho tàng giai đoạn đến năm 2045: 7802 thuê bao.

- Tổng nhu cầu thuê bao toàn khu giai đoạn đến năm 2045: 184.893 thuê bao:

5.5.2. Giải pháp thiết kế:

✓ *Bưu chính*

- Phát triển dịch vụ bưu chính phải gắn với việc đảm bảo an ninh, quốc phòng, an toàn mạng lưới thông tin góp phần phát triển kinh tế - xã hội một cách bền vững.

- Xây dựng, phát triển mạng lưới bưu chính huyện KonPlông hiện đại hóa mạng lưới bưu chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong khai thác, nâng cao chất lượng dịch vụ, cung cấp đa dịch vụ. Bưu chính phát triển hội tụ với viễn thông và công nghệ thông tin, hội tụ đa ngành, đa dạng loại hình dịch vụ, đa dạng hình thức thanh toán. Dịch vụ cung cấp rộng rãi trên mọi lĩnh vực: tài chính, ngân hàng, bảo hiểm... Phát triển mạnh thị trường kinh doanh qua mạng mạng bưu chính điện tử. Phổ cập và duy trì có hiệu quả các dịch vụ bưu chính, dịch vụ tài chính, dịch vụ ứng dụng công nghệ thông tin đến cấp xã

✓ *Hạ tầng mạng thông tin di động, hạ tầng mạng cáp, hạ tầng viễn thông thụ động*

- Đến năm 2030, các chỉ tiêu sẽ đạt như: 100% các thôn trên địa bàn có hạ tầng băng rộng cố định. 100% các khu vực có dân cư sinh sống và làm việc được phủ sóng băng rộng di động. 100%

các hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng cố định cáp quang. 100% doanh nghiệp trong Tỉnh có khả năng ứng dụng IoT để phát triển các dịch vụ số.

- Phát triển điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng không có người phục vụ tại các khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội phát triển, khu vực trung tâm các huyện, thành phố, khu vực phát triển đô thị mới có lượng khách hàng lớn nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người sử dụng

5.5. Thoát nước thải, quản lý chất thải và nghĩa trang

5.5.1. Thoát nước thải

- Đối với khu vực dân cư hiện trạng và khu du lịch trung tâm: sử dụng hệ thống thoát nước riêng cho nước mưa và nước thải. Tại các khu vực cửa rã, làm các giếng tách để thu gom nước thải về trạm xử lý.
- Đối với khu vực du lịch phía Bắc và phía Đông: Xây dựng hệ thống thoát nước chung. Tại các khu vực cửa rã, làm các giếng tách để thu gom nước thải về trạm xử lý.
- Đối với khu dân cư làng xóm hiện trạng: Sử dụng hệ thống thoát nước chung và xử lý phân tán.
- Nước thải phải được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại trước khi xả ra hệ thống thoát nước.

5.5.2. Thu gom chất thải rắn

- Giữ nguyên vị trí bãi rác của huyện tại thị trấn Măng Đen
- Chất thải rắn phải được phân loại tại nguồn. Đối với chất thải sinh hoạt phân loại ít nhất thành 02 loại chất vô cơ và hữu cơ. Đối với chất thải công nghiệp, y tế cần có phân loại chất thải nguy hại. Riêng chất thải công nghiệp cần tăng cường tận thu, tái sử dụng, trao đổi hoặc bán lại CTR có thể tái chế cho các cơ sở khác sử dụng để giảm giá thành sản phẩm.
- Chất thải rắn hữu cơ được thu gom hàng ngày, chất thải rắn vô cơ định kỳ thu gom. Chất thải rắn nguy hại thu gom và xử lý riêng.
- Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp không nguy hại sau khi thu gom sẽ vận chuyển đến khu xử lý CTR tập trung.
- Xây dựng 1 khu xử lý CTR cạnh bãi rác hiện trạng với diện tích 10ha.

5.5.3. Quy hoạch nghĩa trang

- Chỉ tiêu đất nghĩa trang: 0,04 ha/1000 dân.
- Nhu cầu sử dụng mới nghĩa trang của khu vực quy hoạch khoảng 4 ha (năm 2030) và 8ha (năm 2045). Tuy nhiên, do hiện trạng khoảng cách các xã xa nhau và định hướng xã Măng Cành, Măng Bút và Hiếu lên thành đô thị. Do đó, dự kiến đất nghĩa trang như sau:
 - Đối với thị trấn Măng Đen:
 - + Hiện tại, nghĩa trang nhân dân có quy mô khoảng 6 ha với tỷ lệ lấp đầy 70%. Như vậy, quy hoạch nghĩa trang cần nghiên cứu xác định thêm địa điểm mới cho nghĩa trang nhân dân tại khu vực thị trấn Măng Đen.
 - + Đến năm 2030 cần quy hoạch mở rộng thêm diện tích đất nghĩa trang cụ thể như sau: nghĩa trang nhân dân của thị trấn giữ nguyên quy mô khoảng 6 ha. Quy hoạch nghĩa trang nhân dân mới có quy mô 15 ha, giai đoạn năm 2030 có quy mô khoảng 7,2 ha nằm phía Tây thị trấn hiện hữu.
 - + Từng bước di dời các nghĩa trang nhỏ lẻ vào nghĩa trang tập trung.
 - Đối với các xã Măng Cành, Đăk Tăng, Măng Bút, Hiếu và Pờ Ê.
 - + Năm 2030: các xã tiếp tục sử dụng nghĩa trang các xã theo quy hoạch nông thôn mới đã được phê duyệt.

+ Năm 2045: mở rộng nghĩa trang mỗi xã thêm diện tích khoảng 1 ha.

VI. Các chương trình dự án ưu tiên đầu tư

Bảng danh mục các chương trình dự án ưu tiên đầu tư

TT	Danh mục dự án	Phân kỳ đầu tư		Nguồn vốn
		Giai đoạn 1 (2024 - 2030)	Giai đoạn 2 (2030 - 2045)	
A	Hoàn thiện công cụ quản lý quy hoạch: Quy hoạch chung; quy hoạch phân khu; quy hoạch chi tiết; quy chế quản lý kiến trúc; chương trình phát triển đô thị.	2024-2030		NSNN+DN
B	Các dự án đầu tư:			
I	Các dự án do Trung ương đầu tư			
1	Cảng hàng không Măng Đen	2024-2030		NSNN+DN
2	Cao tốc Quảng Ngãi - Kon Tum		2030-2045	NSNN+DN
3	Nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới các tuyến Quốc theo định hướng Quy hoạch tỉnh và Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch Măng Đen	2024-2030	2030-2045	NSNN
II	Các dự án do địa phương thực hiện			
I	Hệ thống hạ tầng kỹ thuật			
1	Nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới các tuyến tỉnh lộ, huyện lộ theo định hướng Quy hoạch tỉnh và Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch Măng Đen.	2024-2030	2030-2045	NSNN+DN
2	Xây dựng mới các tuyến đường kết nối từ khu trung tâm du lịch đến các khu chức năng theo Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch Măng Đen.	2024-2030	2030-2045	NSNN+DN
3	Nâng cấp mở rộng, xây dựng hoàn thiện hệ thống hệ thống giao thông nông thôn. Xây dựng bến xe tại trung tâm các xã, các tuyến đường trục xã, liên xã nối từ trung tâm các xã.	2024-2030	2030-2045	NSNN
4	Hoàn thiện hệ thống mạng lưới cấp nước tại thị trấn Măng Đen; cải tạo, xây dựng mới các trạm cấp nước nông thôn và khu du lịch phân tán.	2024-2030	2030-2045	NSNN
5	Xây dựng khu xử lý CTR.	2024-2030		NSNN

TT	Danh mục dự án	Phân kỳ đầu tư		Nguồn vốn
		Giai đoạn 1 (2024 - 2030)	Giai đoạn 2 (2030 - 2045)	
6	Xây dựng nghĩa trang công viên vĩnh hằng tại thị trấn Măng Đen	2024-2030		NSNN+DN
II	Các dự án phát triển đô thị và du lịch			
1	Khu đô thị mới cảng hàng không Măng Đen	2024-2030	2030-2045	DN
2	Khu đô thị phía Đông thị trấn Măng Đen	2024-2030	2030-2045	DN
3	Khu đô thị phía Bắc thị trấn Măng Đen	2024-2030	2030-2045	DN
4	Khu đô thị phía Tây thị trấn Măng Đen	2024-2030	2030-2045	DN
5	Khu đô thị phía Nam thị trấn Măng Đen	2024-2030	2024-2030	DN
6	Khu trung tâm nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe và huấn luyện vận động viên quốc gia	2024-2030		DN
8	Khu đô thị phức hợp nhà ở, thương mại, du lịch dịch vụ, sân golf tại Măng Đen	2024-2030		DN
9	Khu đô thị phức hợp nhà ở, thương mại, du lịch dịch vụ, sân golf tại Măng Cảnh	2024-2030		DN
10	Khu đô thị phức hợp nhà ở, thương mại, du lịch dịch vụ, sân golf tại Pờ Ê	2024-2030		DN
11	Khu đô thị phức hợp nhà ở, thương mại, du lịch dịch vụ, sân golf tại Măng Bút	2024-2030		DN
12	Khu đô thị sinh thái Hồ Kon Prai	2024-2030		DN
13	Khu đô thị thương mại – dịch vụ hồ Nước Long	2024-2030		DN
14	Khu đô thị sinh thái Kon Tu Răng		2024-2030	DN
15	Khu đô thị sinh thái Măng Cảnh		2024-2030	DN
16	Khu đô thị sinh thái nghỉ dưỡng xã Hiếu		2024-2030	DN
17	Khu du lịch nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe, trải nghiệm Măng Bút		2024-2030	DN

Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch Măng Đen, huyện Kon Plong, tỉnh Kon Tum đến năm 2045

TT	Danh mục dự án	Phân kỳ đầu tư		Nguồn vốn
		Giai đoạn 1 (2024 - 2030)	Giai đoạn 2 (2030 - 2045)	
18	Các Dự án đầu tư nhà ở xã hội, nhà ở cho người thu nhập thấp		2024-2030	DN
19	Các dự án sân Golf	2024-2030	2024-2030	DN
20	Dự án Khu phố đêm Măng Đen	2024-2030		NSNN+DN
21	Dự án Trung tâm tài chính	2024-2030		DN
22	Dự án Bảo tàng Măng Đen, thị trấn Măng Đen	2024-2030		NSNN+DN
23	Dự án Công viên thảo mộc thế giới	2024-2030		NSNN+DN
24	Khu huấn luyện, đào tạo thể dục thể thao.	2024-2030		NSNN+DN
25	Dự án xây dựng hệ thống chợ truyền thống kết hợp không gian để tổ chức các hoạt động ngoài trời phù hợp với các hoạt động văn hóa, lễ hội ở địa phương.		2024-2030	NSNN
26	Dự án xây dựng quảng trường văn hóa lễ hội dân tộc tại Măng Đen		2024-2030	NSNN
27	Đầu tư xây dựng trung tâm văn hóa, thể dục thể thao, công viên đô thị, công viên vui chơi giải trí trên địa bàn.	2024-2030	2024-2030	NSNN+DN
28	Dự án Bảo tồn và phát huy giá trị các khu vực thắng cảnh kết hợp phát triển du lịch sinh thái		2024-2030	NSNN+DN
29	Các dự án phát triển đô thị, du lịch khác theo Quy hoạch chung xây dựng được duyệt.	2024-2030	2024-2030	DN
30	Khu huấn luyện, đào tạo thể dục thể thao.	2024-2030		NSNN+DN
31	Các Dự án xây dựng hệ thống chợ truyền thống kết hợp không gian để tổ chức các hoạt động ngoài trời phù hợp với các hoạt động văn hóa, lễ hội ở địa phương.	2024-2030	2030-2045	NSNN+DN
32	Các Dự án xây dựng công viên quảng trường văn hóa lễ hội dân tộc tại thị trấn Măng Đen.	2024-2030		NSNN
33	Các dự án đầu tư xây dựng trung tâm văn hóa, thể dục thể thao, công viên đô thị, công viên vui chơi giải trí trên địa bàn.	2024-2030	2030-2045	NSNN

TT	Danh mục dự án	Phân kỳ đầu tư		Nguồn vốn
		Giai đoạn 1 (2024 - 2030)	Giai đoạn 2 (2030 - 2045)	
34	Các Dự án xây dựng công trình điểm nhấn của Khu du lịch	2024-2030	2030-2045	NSNN+DN
35	Các dự án bảo tồn và phát huy giá trị các khu vực thắng cảnh kết hợp phát triển du lịch sinh thái	2024-2030	2030-2045	NSNN
III	Các dự án phát triển nông thôn			
1	Các Dự án xây dựng hạ tầng xã hội nông thôn: Xây dựng các cơ sở y tế, chăm sóc sức khỏe, giáo dục, đào tạo, văn hóa, trung tâm thể thao, cơ sở hạ tầng thương mại gắn với trung tâm các xã, thôn.	2024-2030	2030-2045	NSNN+DN
2	Các Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật nông thôn: Công trình cung cấp nước sinh hoạt, công trình xử lý môi trường, công trình thủy lợi.	2024-2030	2030-2045	NSNN
3	Các dự án Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao: Trồng rau, hoa tập trung chất lượng cao, vườn ươm, cây dược liệu quý...	2024-2030	2030-2045	NSNN+DN
4	Các dự án thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới gắn với du lịch cộng đồng.	2024-2030	2030-2045	NSNN
5	Các Dự án Quản lý, bảo vệ và phát triển hệ thống rừng phòng hộ, rừng đặc dụng.	2024-2030	2030-2045	NSNN
6	Các Dự án đào tạo kỹ năng dịch vụ du lịch cho cộng đồng các dân tộc Măng Đen.	2024-2030	2030-2045	NSNN

* Các dự án cụ thể sẽ được thể hiện trong các đề án quy hoạch giai đoạn tiếp theo: Quy hoạch chung đô thị; quy hoạch chung xã; quy hoạch phân khu chức năng; quy hoạch chi tiết...

VII. Kết luận và kiến nghị

7.1. Kết luận

Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch Măng Đen, huyện Kon Plong, tỉnh Kon Tum đến năm 2045 được lập trên cơ sở quy định pháp luật hiện hành về quy hoạch xây dựng, nhằm cụ thể hóa mục tiêu phát triển tỉnh Kon Tum trở thành vùng động lực phát triển kinh tế xã hội của vùng và quốc gia, hướng tới hội nhập và cạnh tranh quốc tế.

Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch Măng Đen, huyện Kon Plong, tỉnh Kon Tum đến năm 2045 được hoàn thành trên cơ sở tiếp thu các ý kiến của Tỉnh ủy, UBND tỉnh; các sở, ngành có liên quan; các cơ quan tổ chức, cá nhân liên quan. Nội dung đề án quy hoạch

đã cập nhật đầy đủ các định hướng phát triển của Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; đảm bảo các nội dung yêu cầu theo Nhiệm vụ quy hoạch đã được phê duyệt và các quy định về quy hoạch xây dựng.

7.2. Kiến nghị

- Đề xuất quy hoạch chung đáp ứng tầm nhìn dài hạn với kịch bản phát triển triển vọng, quá trình triển khai cụ thể theo từng giai đoạn phát triển cần có đánh giá cụ thể về bối cảnh phát triển để lựa chọn các phương án đầu tư phát triển phù hợp, đảm bảo khai thác hiệu quả quỹ đất, hạn chế tác động tiêu cực tới môi trường sinh thái, đảm bảo phát triển cân bằng và bền vững về dài hạn.

- Cần phải xem xét điều chỉnh hệ thống các dự án hiện trạng, đảm bảo các đề xuất mới phải phù hợp với tổng thể chung để góp phần khai thác tối ưu tiềm năng hiện có của tỉnh Kon Tum vào mục tiêu phát triển bền vững trong tương lai.

- Cần phải xây dựng bộ máy và các công cụ quản lý để giám sát, bảo vệ môi trường đặc thù tại khu vực.